

Số : 118 /KH-ĐTL

Phú Lợi , ngày 11 tháng 09 năm 2023

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 – 2024

- Căn cứ vào mục tiêu chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non;
- Căn cứ vào kết quả giáo dục năm học 2022– 2023 và tình hình thực tế của đơn vị.

Bộ phận chuyên môn trường Mầm non Đoàn Thị Liên xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2023 - 2024 như sau:

### A/ PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Đội ngũ:

Chức danh	Số lượng	Trình độ chuyên môn				Tin học		Ngoại ngữ			Chính trị		Ghi chú
		TC	CD	ĐH	ThS	A	B	A	B	C	SC	TC	
<b>BGH</b>	<b>3</b>			<b>3</b>			<b>3</b>		<b>3</b>			<b>3</b>	
<b>GV DẠY LỚP</b>	<b>29</b>	<b>2</b>	<b>12</b>	<b>14</b>	<b>1</b>	<b>13</b>	<b>16</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	<b>28</b>	<b>1</b>	
*Nhà trẻ	5		3	2		1	4	2	3		4	1	
*Mẫu giáo	24	2	9	12	1	12	12	11	10	3	24		
<b>HÀNH CHÁNH</b>	<b>3</b>		1			1		1					
Kế toán	1		1			1		1					
Phục vụ	0												
Bảo vệ	2												
<b>CẤP DƯỠNG</b>	<b>8</b>												
<b>CỘNG</b>	<b>43</b>	<b>2</b>	<b>13</b>	<b>17</b>	<b>1</b>	<b>14</b>	<b>19</b>	<b>14</b>	<b>16</b>	<b>3</b>	<b>28</b>	<b>4</b>	

#### 2. Qui mô nhóm lớp, trẻ:

- Tổng số nhóm lớp: 14 lớp ( Nhà trẻ: 2 nhóm, Mầm: 4 lớp, Chồi: 4 lớp, Lá: 4 lớp)
- Tổng số trẻ 385

KHỐI LỚP		NHÓM LỚP	HỌC SINH	NỮ	GHI CHÚ
<b>NHÀ TRẺ</b>	Nhóm 18-24tháng	<b>2</b>	<b>48</b>	<b>21</b>	
		1	25	8	
	Nhóm 25- 36 tháng	1	23	13	
<b>MẪU GIÁO</b>	Mầm	<b>12</b>	<b>337</b>	<b>162</b>	
		4	106	43	bình quân 26 trẻ/lớp

	<i>Chôi</i>	4	112	54	bình quân 28 trẻ/lớp
	<i>Lá</i>	4	119	65	bình quân 30 trẻ/lớp
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>14</b>	<b>385</b>	<b>183</b>	

## **B/ PHẦN II: MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC**

### **\* MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH TRẺ NHÀ TRẺ**

#### **1/ Mục tiêu chương trình giáo dục trẻ Nhóm 1: có 4 lĩnh vực**

##### **1.1/ Phát triển thể chất:**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt nhà trẻ
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi
- Có một số tố chất vận động ban đầu( nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể)
- Có khả năng khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

##### **1.2/ Phát triển nhận thức:**

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc và một số khái niệm cơ bản về hình dạng, màu sắc, kích thước.

##### **1.3/ Phát triển ngôn ngữ:**

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản.
- Biết biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Sử dụng lời nói giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng nghe và kể lại những mẫu chuyện, bài thơ có nội dung ngắn.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc làm quen với hoạt động tạo hình.

##### **1.4/ Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ:**

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé, dán, xếp hình...

### **\* MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH TRẺ MẪU GIÁO**

#### **1/Giáo dục phát triển thể chất**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi thông qua các bài tập phát triển các nhóm cơ, hô hấp, phát triển tố chất vận động ban đầu, cử động của bàn tay, ngón tay.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt trong trường (có thể ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, ngủ trưa một giấc, biết gọi người lớn khi có nhu cầu vệ sinh...)

- Nhận biết và tránh các vật dụng, hành động, nơi chốn... nguy hiểm khi được người lớn nhắc nhở.

## **2/Giáo dục phát triển nhận thức**

- Luyện tập và phối hợp các giác quan: thị giác, thính giác, khứu giác, xúc giác, vị giác để nhận biết các đặc điểm nổi bật của đối tượng.

- Bé nhận biết tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông, hoa, quả, con vật quen thuộc với bé.

- Nhận biết một số màu cơ bản (xanh, đỏ, vàng), kích thước (to – nhỏ), hình dạng (tròn, vuông), số lượng (một – nhiều), vị trí không gian (trên – dưới, trước – sau) so với bản thân bé.

- Bắt chước được một số hành động đơn giản của người gần gũi.

## **3/Giáo dục phát triển ngôn ngữ**

- Bé nghe và hiểu được nhiều giọng nói khác nhau, hiểu các từ các câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động.

- Biết trả lời một số câu hỏi đơn giản: ai đây? Con gì đây?. Hiểu được từ “không” biết dừng hành động khi nghe “không được lấy” “không được làm”...

- Nghe kể chuyện, đọc thơ phù hợp độ tuổi, thuộc những bài thơ, bài hát ngắn.

- Biết sử dụng lời nói để diễn đạt nhu cầu mong muốn, nói những câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng.

- Biết mở sách xem và gọi tên nhân vật, hành động của nhân vật trong tranh.

## **4/Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ**

- Bé có ý thức về bản thân, biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ lời nói với những người gần gũi, có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc buồn vui của mình với người xung quanh.

- Thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản: chào tạm biệt, bế búp bê, cho búp bê ăn...

## **➤ MỤC TIÊU GIÁO DỤC TRẺ 25-36 THÁNG TUỔI**

### **1. Phát triển thể chất:**

- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Đi thẳng người

- Chạy theo hướng thẳng và đổi hướng không mất thăng bằng

- Bước xa bằng 2 chân khoảng 20cm

- Chắp ghép được các mảnh hình

- Xâu được chuỗi hạt...

- Làm được một số việc tự phục vụ đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: đi vệ sinh đúng nơi quy định, tự xúc cơm-cầm cốc uống nước, cởi quần-áo khi bị bẩn...

- Biết một số vận dụng, nơi nguy hiểm và tránh khi được nhắc nhở.

### **2. Phát triển nhận thức:**

- Thích khám phá đồ vật

- Gọi tên và nói được chức năng của một số bộ phận cơ thể ( mắt, mũi, tay, tai, miệng, chân, đầu)

- Biết tên cô giáo và một số bạn trong lớp

- Biết dùng một số đồ vật thay thế trong trò chơi

- Nhận biết được một vài đặc điểm nổi bật của một số đồ vật, hoa quả, cây cối, con vật gần gũi ( màu sắc, hình dạng) và công dụng.
- Nhận ra 3 màu cơ bản ( đỏ, vàng, xanh)

### 3. Phát triển ngôn ngữ:

- Phát âm rõ
- Đọc được thơ, kể lại truyện ngắn quen thuộc theo tranh
- Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản
- Trả lời được câu hỏi: Để làm gì ? Tại sao?

### 4. Phát triển tình cảm xã hội và thẩm mỹ:

- Thích chơi với bạn
- Nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi...
- Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn
- Thích tự làm một số việc đơn giản.
- Biết chào hỏi, cảm ơn
- Biết được một số việc được phép làm, không được phép làm
- Thích hát một số bài hát quen thuộc và vận động đơn giản theo nhạc.
- Vẽ nguệch ngoạc bằng bút sáp, phấn...

## ➤ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TRẺ 3-4 TUỔI

### 1. Phát triển thể chất:

- Cân nặng và chiều cao cụ thể:
  - + Trẻ trai: Cân nặng đạt  $12,9 - 20,8 \text{ kg} > 16,7 \pm 3,8 \text{ kg}$   
Chiều cao đạt  $94,4 - 111,5 \text{ cm} > 102,9 \pm 8,5 \text{ cm}$ .
  - + Trẻ gái: Cân nặng đạt  $12,6 - 20,7 \text{ kg} > 16 \pm 3,4 \text{ kg}$   
Chiều cao đạt  $93,5 - 109,6 \text{ cm} > 101 \pm 7,1 \text{ cm}$
- Đi, chạy phối hợp cân, tay nhịp nhàng.
- Giữ được thăng bằng trên một chân.
- Ném xa 2 m bằng 2 tay.
- Cầm kéo cắt.
- Rửa tay, lau mặt, đánh răng, cởi quần áo có sự giúp đỡ.
- Cầm được bình rót nước vào cốc.
- Nhận biết 1 số vật dụng và nơi nguy hiểm.

### 2. Phát triển nhận thức:

- Thích tìm hiểu, khám phá đồ vật và hay đặt các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây?
- Nói được một vài đặc điểm nổi bật của sự vật, hiện tượng quen thuộc.
- Nhận biết được sự thay đổi rõ nét của sự vật, hiện tượng.
- Nhận biết được tay phải, tay trái của bản thân.
- Đếm được trong phạm vi 5
- Nhận biết được sự khác nhau về kích thước của 2 đối tượng.
- Gọi đúng tên hình tròn, hình vuông, hình tam giác.
- Nhận biết một số nghề phổ biến, gần gũi.

- Biết họ và tên của bản thân, tên của người thân trong gia đình, tên trường, lớp mầm non

### **3. Phát triển ngôn ngữ:**

- Nghe, hiểu được lời nói trong giao tiếp đơn giản.
- Diễn đạt nhu cầu, mong muốn để người khác hiểu.
- Trả lời được 1 số câu hỏi của người khác.
- Kể lại chuyện dựa theo câu hỏi.

### **4. Phát triển tình cảm xã hội:**

- Thích chơi cùng bạn, không tranh dành đồ chơi.
- Có biểu hiện quan tâm đến người thân.
- Cảm nhận được 1 số cảm xúc của người khác và có biểu lộ phù hợp.
- Chấp nhận yêu cầu và làm theo chỉ dẫn đơn giản của người khác.
- Biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, xin phép.
- Biết bỏ rác đúng nơi quy định, cất dọn đồ dùng đồ chơi.
- Cố gắng tự thực hiện các công việc được giao.

### **5. Phát triển thẩm mỹ:**

- Trẻ bộc lộ cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh và các tác phẩm gần gũi.
- Trẻ thích hát, nghe hát, nghe nhạc.
- Biết hát kết hợp với vận động đơn giản: nhún nhảy, dậm chân, vỗ tay....
- Biết sử dụng màu sắc, đường nét, hình dạng tạo ra các hình dạng đơn giản.
- Biết giữ gìn sản phẩm.

## **➤ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TRẺ 4-5 TUỔI**

### **1. Phát triển thể chất:**

- Cân nặng và chiều cao cụ thể:
  - + Trẻ trai: Cân nặng đạt 14,4 – 23,5 kg. Chiều cao đạt 100,7 – 119,1 cm.
  - + Trẻ gái: Cân nặng đạt 13,8 – 23,2 kg. Chiều cao đạt 99,5 – 117,2 cm.
- Bò chui không bị chạm vào vật.
- Giữ được thăng bằng trên một chân trong 5 giây.
- Chạy đổi hướng theo vật chuẩn.
- Ném xa 3m bằng hai tay.
- Bật xa 30 – 40 cm.
- Cắt được theo đường thẳng.
- Rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng.
- Cởi và mặc quần áo.
- Phân biệt được một số vật dụng nguy hiểm, nơi an toàn và không an toàn.

### **2. Phát triển nhận thức:**

- Thích tìm hiểu khám phá đồ vật và hay đặt các câu hỏi: Tại sao? Để làm gì?....
- Nhận biết được một số đặc điểm giống nhau và khác nhau của bản thân với người gần gũi.
- Phân loại được các đối tượng theo 1 – 2 dấu hiệu cho trước.

- Nhận ra mối liên hệ đơn giản giữa sự vật, hiện tượng quen thuộc.
- Nhận biết được phía phải, phía trái của bản thân.
- Nhận biết các buổi sáng – trưa – chiều – tối.
- Đếm được trong phạm vi 10.
- Có biểu tượng về số trong phạm vi 5.
- So sánh và sử dụng được các từ: bằng nhau, to hơn – nhỏ hơn, cao hơn – thấp hơn, rộng hơn – hẹp hơn, nhiều hơn – ít hơn....
- Nhận biết được sự giống và khác giữa các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật qua nét vẽ và dấu hiệu nổi bật
- Nói được địa chỉ, số điện thoại của gia đình.
- Nhận biết một số công cụ, sản phẩm, ý nghĩa của một số nghề phổ biến và gần gũi.
- Biết tên của một vài danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.

### **3. Phát triển ngôn ngữ:**

- Diễn đạt được mong muốn, nhu cầu bằng câu đơn, câu ghép.
- Đọc thơ, kể lại truyện diễn cảm.
- Kể lại được sự việc theo trình tự.
- Chú ý lắng nghe người khác nói.

### **4. Phát triển tình cảm xã hội:**

- Chơi thân thiện với bạn.
- Thể hiện sự quan tâm đến người khác bằng lời nói, cử chỉ, hành động..
- Thực hiện công việc được giao đến cùng.
- Thực hiện được một số qui định trong gia đình, trường, lớp mầm non, nơi công cộng.
- Giữ gìn, bảo vệ môi trường: bỏ rác đúng nơi qui định, chăm sóc con vật, cây cảnh; giữ gìn đồ dùng, đồ chơi

### **5. Phát triển thẩm mỹ:**

- Trẻ bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh và các tác phẩm nghệ thuật.
- Thích nghe nhạc, nghe hát: chú ý lắng nghe, nhận ra giai điệu quen thuộc: hát đúng, hát diễn cảm bài hát mà trẻ yêu thích.
- Phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc và biết sử dụng để đệm theo nhịp bài hát, bản nhạc.
- Vận động phù hợp với nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay, dậm chân, nhún nhảy, múa,..)
- Biết sử dụng các dụng cụ, vật liệu, phối hợp màu sắc, hình dạng, đường nét để tạo ra sản phẩm có nội dung và bố cục đơn giản.
- Biết thể hiện xen kẽ màu, hình trong trang trí đơn giản. Biết nhận xét và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn.

## **➤ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TRẺ 5-6 TUỔI**

### **1. Phát triển thể chất:**

- Cân nặng và chiều cao cụ thể:
  - + Trẻ trai: cân nặng từ 16,0 – 26,6 kg; chiều cao từ 106,4 – 125,8 cm.

+ Trẻ gái: cân nặng từ 15,0 – 26,2 kg; chiều cao từ 104,8 – 124,5cm.

- Đi nổi gót giật lùi 5 bước.
- Chạy 18m trong khoảng 10 giây.
- Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh.
- Bò theo đường đích dắc không bị chạm vật mốc.
- Ném xa 4m bằng 2 tay.
- Bật xa 50 – 60 cm.
- Cắt được đường tròn.
- Có thói quen rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, khi tay bẩn và sau khi đi vệ sinh.
- Biết tự đánh răng, lau mặt.
- Biết tránh xa những vật dụng nguy hiểm, nơi không an toàn.

## **2. Phát triển nhận thức:**

- Thích tìm hiểu và khám phá môi trường xung quanh. Hay đặt câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? Làm thế nào? Khi nào?
- phân biệt bản thân với bạn cùng tuổi.
- Phân loại được một số đối tượng theo 2- 3 dấu hiệu cho trước. Tự tìm ra dấu hiệu phân loại.
- Nhận biết được phía phải, phía trái của người khác.
- Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai.
- Có biểu tượng về số trong phạm vi 10, thêm bớt trong phạm vi 10.
- Phân biệt các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật qua các đặt điểm nổi bật.
- So sánh và sử dụng được các từ: To nhất – nhỏ hơn – nhỏ nhất; Cao nhất – thấp hơn - thấp nhất; Rộng nhất – hẹp hơn – hẹp nhất; Nhiều nhất - ít hơn – ít nhất.
- Phân biệt một số công cụ, sản phẩm, công việc, ý nghĩa của một số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
- Biết được một số công việc của các thành viên trong gia đình, của cô giáo và trẻ trong lớp, trường mầm non.
- Nhận biết một vài nét đặc trưng về danh lam thắng cảnh của địa phương và quê hương đất nước.

## **3. Phát triển ngôn ngữ:**

- Nhận dạng các chữ cái và phát âm được âm đó.
- Diễn đạt được các mong muốn, nhu cầu và suy nghĩ bằng nhiều loại câu.
- Hiểu được một số từ trái nghĩa.
- Tham gia có sáng tạo trong các hoạt động ngôn ngữ: đóng kịch, kể chuyện,....
- “Đọc” và sao chép được một số ký hiệu.
- Mạnh dạn, tự tin, chủ động trong giao tiếp.

## **4. Phát triển tình cảm xã hội:**

- Hợp tác, chia sẻ với bạn bè trong các hoạt động.
- Có hành vi ứng xử đúng với bản thân và những người xung quanh.

- Có hành vi, thái độ thể hiện sự quan tâm đến những người gần gũi.
- Vui vẻ nhận và thực hiện công việc được giao đến cùng.
- Thực hiện một số quy định trong gia đình, trường lớp mầm non, nơi công cộng.
- Giữ gìn và bảo vệ môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định; chăm sóc vật nuôi, cây cảnh; giữ gìn đồ dùng, đồ chơi; có ý thức tiết kiệm.

### 5. Phát triển thẩm mỹ:

- Thích tìm hiểu và bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, các tác phẩm nghệ thuật.
- Thích nghe nhạc, nghe hát. Chăm chú lắng nghe và nhận ra những giai điệu khác nhau của các bài hát, bản nhạc.
- Hát đúng và biết thể hiện sắc thái tình cảm của các bài hát mà trẻ yêu thích.
- Biết vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu bài hát, bản nhạc: vỗ tay, dậm chân, nhún nhảy, múa,...
- Biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc, vật liệu đa dạng; biết phối hợp màu sắc, hình dạng, đường nét để tạo ra sản phẩm tạo hình có nội dung và bố cục cân đối, màu sắc hài hòa.
- Biết sử dụng các màu sắc khác nhau như đỏ, xanh, vàng, hồng, nâu, tím, da cam... để tạo ra sản phẩm.
- Biết phối hợp giữa màu sắc, hình khối và đường nét trong trang trí.
- Biết nhận xét và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn.

## II/ MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ

### 1/ Nhà trẻ:

\* Nhóm 25-36 tháng:

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	SỐ TT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Trẻ biết tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo nhịp.	Thực hiện các động tác thể dục sáng: - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
	2	-Bật xa tối thiểu 20cm	- Bật qua vật cản 10 – 15cm - Bật xa 20 cm - Bật tách, khép chân tại chỗ.
	3	- Nhảy qua nhảy lại	Nhảy qua vật cản, con suối
	4	- Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 20 – 30cm	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Ném bóng vào xô



		- Bắt và Ném bóng với người đối diện bằng 2 tay (khoảng cách xa 20cm)
<b>5</b>	- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 80cm)	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném vào đích đứng 1 tay, 2 tay.
<b>6</b>	Trườn bụng sát với mặt đất.	- Trườn dưới gậy - Trườn xa 2m
<b>7</b>	- Trẻ biết chạy theo hướng thẳng và đổi hướng	- Chạy theo tốc độ chậm, nhanh, chậm dần theo hiệu lệnh. - Chạy đổi hướng theo cô( 2-3 hướng).
<b>8</b>	Bò chui qua vòng, qua vật cản đúng yêu cầu	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 2-3m - Bò có mang vật trên lưng - Bò chui qua vòng, cổng
<b>9</b>	- Phát triển các cơ nhỏ của đôi bàn tay thông qua các hoạt động làm quen với đất nặn, xếp hình, tô màu, xâu hạt	- Xâu được các đồ vật, đồ chơi, con vật, các loại hoa, quả, rau và phương tiện giao thông vào dây thành vòng. - Dùng bàn tay và các ngón tay để làm quen với đất, nhào, ngắt, gộp, lăn dài, vo tròn, ấn dẹp. - Xếp được các hình cơ bản: xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách hàng rào, cái nhà, cái cổng, đường đi, bộ bàn ghế, cái giường. - Cách cầm viết vẽ lên giấy, trên sàn, ngoài sân, sử dụng các ngón tay để in màu, di màu, vẽ.
<b>10</b>	- Đi và cầm đồ vật bằng 2 tay Đi thẳng bằng được trong đường hẹp	- Đi trong đường hẹp – đường ngoằn ngoèo và cầm bóng trên tay - Đi thẳng bằng trong đường hẹp, đường ngoằn ngoèo
<b>11</b>	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 2 -3m	- Chạy tự do, Chạy thay đổi tốc độ. - Chạy tốc độ vừa sức.
<b>12</b>	- Nhảy lò cò được theo yêu cầu.	- Đứng co 1 chân, Nhảy lò cò tự do. - Nhảy lò cò, đổi chân.
<b>13</b>	- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 15 - 25 phút.	- Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập - Rèn tính tập trung chú ý. - Tổ chức các hoạt động có chủ đích
<b>14</b>	- Biết sử dụng đồ dùng cá nhân của mình.	- Lấy và sử dụng đúng đồ dùng cá nhân theo ký hiệu: ca uống nước, khăn lau mặt.
<b>15</b>	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, có một số thói quen tốt giữ cơ thể	- Có nề nếp khi lau mặt, rửa tay - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Thói quen lau mặt, rửa tay trước khi

	sạch sẽ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>ăn, sau khi đi vệ sinh, khi bị bắn</li> <li>- Biết gọi cô khi có mũi, khi bị ướt, bắn</li> <li>- Không ngậm tay vào miệng.</li> <li>- Thói quen tắm rửa hàng ngày.</li> <li>- Khi ho, gấp biết lấy tay che miệng.</li> </ul>
<b>16</b>	- Thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dọn chén, muỗng, ly sau khi ăn, uống</li> <li>- Tự xúc ăn</li> <li>- Lấy cát đồ chơi, đồ dùng đúng qui định trước và sau khi chơi.</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi qui định</li> <li>- Tự mặc quần, cởi quần</li> </ul>
<b>17</b>	- Trẻ ăn hết suất và biết cách ăn một số thức ăn mới.	- Nhận biết được các món ăn hàng ngày, biết cách ăn bánh mì, các loại rau, thịt, các thực phẩm được chế biến từ các nguồn thực phẩm gần gũi.
<b>18</b>	- Biết kể được tên một số thức ăn có trong bữa ăn hàng ngày.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được các bữa ăn trong ngày và một số thức ăn hằng ngày ở trường, ở nhà</li> <li>- Kể tên những món ăn mà trẻ biết.</li> </ul>
<b>19</b>	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, ...)</li> <li>- Biết và không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt để bị béo phì.</li> <li>- Biết và không ăn những món ăn nguội lạnh, ôi thiu, những thức ăn không hợp vệ sinh.</li> </ul>
<b>20</b>	- Biết giữ gìn sức khỏe, không nghịch phá và không chơi những nơi nguy hiểm, mất vệ sinh, ô nhiễm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như: Cây nhọn, que, đinh, kim, dao., kéo..</li> <li>- Nhận biết những hành động nguy hiểm như: Chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, nhét hạt hạt vào mũi...</li> <li>- Nhận biết và không chơi ở những nơi nguy hiểm như: Ổ cắm điện, bếp lò, bình nước đun sôi, giếng nước, ao hồ, lan can, cầu thang, chơi ngoài lòng đường, chuồng trại nuôi thú dữ....</li> <li>- Khi tham gia trên các phương tiện giao thông phải ngồi ngay ngắn.</li> </ul>

			- Nhận biết và không chơi những nơi mất vệ sinh như : Khu chăn nuôi, bãi rác, ...
	<b>21</b>	- Biết tác hại của thuốc lá - Không đến gần người đang hút thuốc lá.	- Nhận biết một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá như: Ho, khó chịu, khó thở, viêm phổi...
	<b>22</b>	- Biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	- Giáo dục trẻ có thói quen xin phép cô, ba -mẹ, người lớn, người thân khi nhận quà . Không theo người lạ mặt ra khỏi trường. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, cho kẹo, rủ đi chơi...
	<b>23</b>	- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, đuối nước, động vật cắn, ong đốt, vật sắc nhọn, các hạt hạt làm ngạt thở, điện giật,... - Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm.
<b>PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</b>	<b>24</b>	- Trẻ biết về bản thân, những người thân yêu trong gia đình,	- Tên gọi của mình, biết các giác quan trên cơ thể, những sở thích gì? Giới tính của trẻ - Các thông tin về gia đình: họ tên bố, mẹ, anh,chi ... của gia đình - Biết về các thành viên trong gia đình. Tên gọi, nghề nghiệp của ba mẹ và những người thân trong gia đình bé.-
	<b>25</b>	- Trẻ biết về tên trường, tên lớp. về cô, các bạn trong lớp, các cô các bác trong trường Các hoạt động trong ngày ở lớp.	- Tên trường, tên lớp, những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non. Công việc của các cô, các bác trong trường. một số hoạt động trong trường mầm non.
	<b>26</b>	-Trẻ biết tên gọi, cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi	- Tên gọi, cách sử dụng từng loại đồ dùng, đồ chơi của bé, đồ dùng trong gia đình

	<p><b>27</b> - Trẻ nhận biết, gọi đúng tên, màu sắc xanh , đỏ, vàng, kích thước to nhỏ của đồ dùng, đồ chơi.</p>	<p>-Tên gọi, đặc điểm, màu sắc, kích thước của đồ dùng của trẻ, đồ dùng sinh hoạt, đồ chơi của trẻ.</p>
	<p><b>28</b> - Diễn đạt được hiểu biết bằng những câu nói đơn giản</p>	<p>- Biết diễn đạt sự hiểu biết của mình về sự vật, hiện tượng xung quanh.</p>
	<p><b>29</b> - Trẻ nhận biết, chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay.</p>	<p>- Tên gọi , đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình: gà, vịt, chó, mèo, bò, thỏ, lợn  - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống trong rừng : gấu, voi, khỉ, hổ  - Tên gọi , đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống dưới nước: cá, tôm, cua, ốc  - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật có cánh biết bay: chim, ong, bướm ...</p>
	<p><b>30</b> - Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước và màu sắc của các con vật</p>	<p>- Chọn đúng kích thước to – nhỏ, màu sắc xanh, đỏ, vàng của các con vật</p>
	<p><b>31</b> - Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của một số loại hoa, quả, rau củ gần gũi với trẻ</p>	<p>- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa ngày tết: hoa hồng, hoa mai, hoa đào, hoa đào, hoa sen, lay ơn, đồng tiền...  - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả:bưởi, hồng, nho . cam, dưa hấu, mận, đu đủ...  - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...  - Nhận biết được các loại rau, quả không ăn được  a/ Cây cối, con vật</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.</li> <li>- So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.</li> <li>- Phân loại cây hoa quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu.</li> </ul> <p>b/ Đồ dùng đồ chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên gọi, đặc điểm và công dụng của đồ dùng đồ chơi.</li> <li>- Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu.</li> </ul>
<b>32</b>	- Trẻ nhận biết được các con thú dữ, không lại gần và không chọc phá chúng	- Nhận biết các con vật nguy hiểm để tránh xa, những con vật có ích, con vật có hại.
<b>33</b>	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên	<p>a/ Con vật, cây.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật.</li> <li>- Quan sát môi trường sống của cây cối, con vật.</li> <li>- Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây cối.</li> </ul> <p>b/ Hiện tượng tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.</li> <li>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi</li> <li>- Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối.</li> <li>- Không khí, các nguồn ánh sáng với cuộc sống con người, các con vật và cây cối.</li> </ul>
<b>34</b>	- Trẻ biết tên gọi của một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường không và một số luật lệ giao thông đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo , kích thước, màu sắc của các loại xe : xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con...</li> <li>- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo , kích thước, màu sắc của các loại phương tiện : thuyền, tàu thủy, ghe...</li> <li>- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo , kích thước, màu sắc của các loại phương tiện : máy bay, tàu hỏa...</li> </ul>
<b>35</b>	- Trẻ nhận biết, gọi đúng tên, màu sắc xanh, đỏ,	- Nhận biết và phân biệt được kích thước , hình dạng, cấu tạo và màu sắc

		vàng; kích thước của một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường không.	của 1 số loại xe - Nhận biết và phân biệt được kích thước, hình dạng, cấu tạo và màu sắc của 1 số phương tiện giao thông chạy ở dưới nước - Trẻ biết thực hiện 1 số luật giao thông đơn giản - Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước, hình dạng, cấu tạo và màu sắc của 1 số phương tiện giao thông đường không, đường sắt
	<b>36</b>	- Nhận biết được khối vuông, khối chữ nhật và khối tam giác theo yêu cầu.	Nhận biết, gọi tên khối vuông, khối chữ nhật, khối tam giác. - Chắp ghép các khối hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	<b>37</b>	- Trẻ biết đặc điểm đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động của lớp mẫu giáo	- Nhận biết và phân biệt tên gọi, đặc điểm đặc trưng của mùa hè và biết một số hoạt động ở lớp mẫu giáo - Đặc điểm đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động của lớp mẫu giáo - Biết mùa hè nóng nực ra đường bé biết đội nón, khi mưa biết mặc áo mưa. Biết thực hiện một số luật giao thông đơn giản
<b>PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b>	<b>38</b>	- Trẻ nói đúng tên mình, tên cô, tên các bạn trong lớp, nói đúng tên những người thân trong gia đình, tên các cô, các bác trong trường. Tên trường, lớp, đặc điểm công dụng của đồ dùng, đồ chơi.	- Biết tên mình, một số ký hiệu riêng của mình. Biết tên cô, tên các bạn trong lớp, tên các cô, các bác trong trường. - Tên trường, lớp, đặc điểm công dụng của đồ dùng, đồ chơi. - Tên những người thân trong gia đình, nghề nghiệp của ba mẹ.
	<b>39</b>	- Biết diễn đạt câu đơn 3 -4 từ.	- Nói trọn câu 3 -4 từ. - Phát âm rõ lời. - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản.
	<b>40</b>	- Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp.
	<b>41</b>	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp. Nghe hiểu nội dung các câu đơn. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ

		tuổi.
<b>42</b>	- Sử dụng các loại câu, lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	-Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu.
<b>43</b>	- Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. Không nói leo, ngắt lời người khác khi trò chuyện	- Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt. - Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Giáo dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
<b>44</b>	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật.	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, lợi ích của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay
<b>45</b>	- Trẻ biết diễn đạt câu ngắn 4 -5 từ	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu . - Phát âm đúng, rõ lời - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản, kết hợp với cử chỉ.
<b>46</b>	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số hoa , quả, rau mà trẻ biết	-Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa đặc trưng ngày tết. - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả : bưởi, hồng, nho . cam, dưa hấu, mận, đu đủ... - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ. : rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...
<b>47</b>	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, cấu tạo của	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các

		các phương tiện giao thông.	<p>loại phương tiện tàu hoả, máy bay...</p> <p>- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện thuyền, tàu thủy, ghe...</p> <p>- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con...</p>
	<b>48</b>	- Trẻ đọc thuộc thơ, bài ca dao, thuộc các bài hát ngắn, nắm được nội dung chuyện và biết kể lại.	<p>- Đọc được các bài thơ, hát được bài hát và kể được chuyện theo tranh, biết minh hoạ động tác theo nội dung chuyện</p> <p>- Trẻ đọc thuộc cả bài thơ , hát thuộc bài hát , biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô. Nói trọn câu 5 - 6 từ, đủ nghĩa.</p>
	<b>49</b>	- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;	<p>- Biết sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép.các từ biểu cảm, hình tượng.</p> <p>- Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khoẻ ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.</p>
<b>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, XÃ HỘI, THẨM MỸ</b>	<b>50</b>	- Thể hiện sự thích thú với sách. Có một số hành vi như người đọc sách. Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	<p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>- Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi một mình.</p> <p>- Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách ( Nhờ người lớn giải thích nội dung tranh, những chữ chưa biết...)</p> <p>- Có một số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách ( giở sách từng trang, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định.</p>
	<b>51</b>	- Cháu biết yêu thương kính trọng, vâng lời ba mẹ, người thân, các cô ,các bác trong trường	<p>- Cháu thể hiện lễ giáo qua các hoạt động hàng ngày.</p> <p>- Yêu thương, kính trọng, lễ phép với mọi người.</p>
	<b>52</b>	- Thích đi học, thích chơi với bạn, chơi biết nhường nhịn bạn	- Không nghịch của bạn, đi học không khóc nhè, không đánh cắn bạn.
	<b>53</b>	- Biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi, biết cất dọn đồ	- Chơi xong cất đúng nơi qui định. Không đập phá đồ dùng đồ chơi.



	chơi sau khi chơi xong	
<b>54</b>	- Biết chào hỏi người lớn khi đến lớp, ra về, biết thực hiện một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện tốt các mặt lễ giáo: chào hỏi khi đến lớp và ra về.
<b>55</b>	- Biết tự tin trong giao tiếp.	- Chủ động chào khách khi có khách đến lớp, mạnh dạn trả lời các câu hỏi
<b>56</b>	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;	- Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn.
<b>57</b>	- Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Nhận ra 3 – 5 hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây...
<b>58</b>	- Cháu biết bảo vệ, chăm sóc hoa và cây, con vật, không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.	- Biết thể hiện tình cảm của mình với môi trường xung quanh: không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.
<b>59</b>	- Cháu biết thực hiện một số luật giao thông đơn giản, không chơi ở lòng đường, khi được ngồi trên các phương tiện giao thông, không đùa nghịch.	- Không chơi ở lòng đường xe chạy, không đùa nghịch trên xe. Khi đi xe máy phải đội nón bảo hiểm. Trẻ biết thực hiện 1 số luật giao thông đơn giản
<b>60</b>	- Cháu vẽ, tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ. Biết tạo ra các sản phẩm từ đất nặn. Không nghịch của bạn, chơi xong cất đúng qui định.	- Cách cầm bút, tư thế ngồi. - Thực hiện được các yêu cầu của cô khéo léo : Tô màu trên hình rỗng đã vẽ sẵn. Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích xâu vòng, xếp hình, nặn.... - Giữ gìn sản phẩm, không tranh giành đồ chơi với bạn
<b>61</b>	- Xé, dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.	- Dán hình theo ý thích, - Dán hình vào vị trí qui định. Không bị nhăn - Dán hình trang trí bức tranh
<b>62</b>	- Cháu hát, vận động nhịp nhàng theo nhạc, biết vỗ tay và làm đúng các động tác minh họa cho bài thơ và hát	- Hát và múa, làm động tác minh họa nhịp nhàng - Cháu vận động nhịp nhàng theo nhạc, biết vỗ tay và làm đúng các động tác minh họa cho bài thơ và hát

	<b>63</b>	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp trong cuộc sống hàng ngày của trẻ, đồ dùng, đồ chơi. - Nhận ra cái đẹp trong nghệ thuật như: Tạo hình, âm nhạc.
	<b>64</b>	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;	- Khoe với người khác về công việc mình đã hoàn thành. - Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi.
	<b>65</b>	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Biết trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích.

**\*Nhóm 2: 18- 24 tháng**

<b>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN</b>	<b>SỐ TT</b>	<b>MỤC TIÊU GIÁO DỤC</b>	<b>NỘI DUNG GIÁO DỤC</b>
<b>PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b>	<b>1</b>	-Trẻ làm quen, thực hiện với cô 1 số động tác của bài tập thể dục sáng-vận động cơ bản	-Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp(thể dục sáng) + Ô sao bé không lắc + Tay em + Gà gáy + Chim non + Tập với cành hoa + Cây cao-cây thấp -Tập các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu
	<b>2</b>	-Cầm đồ vật trên tay- Đi trong đường hẹp 30cm-đường ngoằn ngoèo khoảng 2m và giữ được thăng bằng	- +Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay +Đi theo các hướng khác nhau +Thay đổi hướng đi theo hiệu lệnh +Đi theo đường ngoằn ngoèo +Đi đều bước +Bò trườn +Bò chui qua vòng +Ném bóng qua dây +Bước qua vật cản +Lăn bóng vào đích
	<b>3</b>	-Xếp chồng 2-3 khối gỗ	- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay,ngón tay

			<ul style="list-style-type: none"> <li>+Xếp cái nhà</li> <li>+Xếp đường đi</li> <li>+Xếp hàng rào</li> <li>+Xếp bộ bàn ghế</li> </ul>
	<b>4</b>	-Biết cách chơi các trò chơi vận động ,trò chơi tập thể	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách chơi các trò chơi:</li> <li>+ Gà tìm mồi</li> <li>+ Dung dăng dung dẻ.</li> <li>+Trời nắng trời mưa.</li> <li>+ Gà vào vườn rau.</li> <li>+ Thỏ nhảy về tổ</li> <li>+ Mèo và chim sẻ</li> <li>+ Gà trong vườn hoa</li> <li>+ Hoa về đúng vườn</li> <li>+ Bắt bướm</li> <li>+Dung dăng dung dẻ</li> <li>+Lộn cầu vòng</li> <li>+Tập tầm vông</li> <li>+Chiếc túi kỳ diệu</li> </ul>
	<b>5</b>	-Xâu vòng 4-5 hoa	-Xâu vòng hoa tặng mẹ
	<b>6</b>	*Thích nghi với chế độ sinh hoạt của trường-nhóm	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Tập luyện nề nếp,thói quen trong sinh hoạtvà vệ sinh:</li> <li>-Thích nghi với chế độ ăn com nát và các loại thích ăn khác</li> <li>- Ngủ 1 giấc trưa</li> <li>-Rửa tay trước khi ăn,sau khi đi vệ sinh,khi tay dơ</li> <li>- Gọi cô khi bị ướt ,bị dơ</li> </ul>
	<b>7</b>	-Cầm được muỗng xúc ăn-câm ly uống nước với sự giúp đỡ của cô	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Làm quen với một số việc tự phục vụ,giữ gìn sức khỏe:</li> <li>-Tập tự cầm muỗng xúc ăn,uống nước bằng ly</li> <li>-Tập ngồi vào bàn</li> </ul>
	<b>8</b>	-Biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng cử chỉ hay lời nói	-Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn,uống,vệ sinh,ngủ
	<b>9</b>	Đi vệ sinh đúng nơi qui định theo hướng dẫn của cô	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Tập ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh</li> <li>-Làm quen với rửa tay-lau mặt</li> </ul>
	<b>10</b>	-Biết tránh một số vật dụng gây nguy hiểm khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</li> <li>-Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm,những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào,dén gần</li> </ul>
<b>PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</b>	<b>11</b>	*Thích tìm hiểu,khám phá giới xung quanh các giác	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luyện tập và phối hợp các giác quan:Thị giác,thích giác xúc</li> </ul>

	quan:Sờ ,nắn,nhìn,nghe để biết được đặc điểm nổi bật	giác,khứu giác ,vị giác -Tìm đồ chơi vừa mới cất - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh -Sờ,nắn,gõ đồ chơi nghe âm thanh
<b>12</b>	- Có khả năng quan sát,nhận biết ghi nhớ và diễn đạt bằng những câu đơn giản	- Quan sát nhận biết , gọi tên bạn ,gọi tên con vật, hoa quả .
<b>13</b>	- Nhận biết những người thân của bé : ông, bà, cha, mẹ, bé.	- Bản thân-người thân gần gũi - Tên gọi những người thân yêu trong gia đình: Ông , bà , ba, mẹ, anh ,chị, bé
<b>14</b>	- Nhận biết các đồ dùng cá nhân gồm có : quần – áo – khăn – nón – dép	-Tên gọi các đồ dùng cá nhân gồm có : quần – áo – khăn – nón – dép; chén muỗng -ly, biết cách sử dụng đồ dùng, một vài đặc điểm của đồ dùng.
<b>15</b>	-Nhận biết các đồ dùng gia đình gồm có : Bàn – ghế-tủ - giường	- Tên gọi và công dụng : Bàn – ghế-tủ - giường
<b>16</b>	-Nhận biết được tên gọi và vài đặc điểm của con vật-hoa,quả-màu sắc hình dạng	-Một số con vật-hoa-quả -Tên và đặc điểm nổi bật của con vật,hoa-quả +Con gà trống gáy ò ó o... +Con Gà mái kêu cọt ta cọt tát ,đẻ trứng +Con vịt chân có màng bơi dưới nước +Chó sủa gâu gâu,giữ nhà +Con mèo kêu meo meo ,bắt chuột + Con bò kéo xe + Cá,tôm, cua sống dưới nước... +Gấu voi khi hổ là những con vật sống trong rừng. +Hoa: Hoa hồng,hoa cúc,hoa mai,hoa lay ơn. +Quả: Quả cam –chuối-thơm-đu đủ-mãng cầu
<b>17</b>	-Nhận biết và phân biệt màu-kích thước qua các đồ chơi	*Một số màu cơ bản-kích thước -Màu đỏ-xanh -Kích thước to nhỏ
<b>18</b>	Biết chọn và đánh tranh theo gợi ý của cô	* Cháu chọn và đánh tranh - Đánh tranh gà –vịt -Đánh tranh bò-thỏ

			-Đính hoa mai-hoa hồng -Đính quả to-quả nhỏ
<b>PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b>	<b>19</b>	-Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói	- Số yêu cầu bằng lời nói:đi đến đây,đi rửa tay... -Nghe các câu hỏi:Ở đâu?,con gì?,Cái gì?,Làm gì?... -Hiểu được từ:không được lấy,không đượ sờ -Nghe các bài hát,bài thơ.đồng dao,ca dao,chuyện kể theo tranh
	<b>20</b>	- Biết chơi và trả lời được câu hỏi đơn giản	-Trả lời và đặt câu hỏi: ai đây,con gì?,cái gì?làm gì?
	<b>21</b>	-Sử dụng lời nói để giao tiếp diễn đạt nhu cầu	-Thể hiện nhu cầu,mong muốn của mình bằng câu đơn giản: con đi chơi,đá bóng
	<b>22</b>	- Đọc theo-đọc tiếp tiếng cuối cùng của câu thơ khi nghe các bài thơ	- Yêu mẹ - Quả chuối - Đàn bò -Con voi -Bạn mới - Hoa nở
	<b>23</b>	- Nhớ và nói đúng tên câu chuyện-tên và hành động các nhân vật trong câu chuyện	- Cả nhà ăn dưa hấu - Đôi bạn nhỏ - Cây táo - Bé đến trường - Quả thị - Cá và chim
	<b>24</b>	Thể hiện sự hứng thú với sách	- Mở sách,xem tranh và chỉ vào các nhân vật,sự vật trong tranh
	<b>25</b>	-Ý thức về bản thân,mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi	-Nhận biết tên gọi và chỉ vào hình ảnh của mình trong gương,trong ảnh khi được hỏi
	<b>26</b>	Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người,sự vật gần gũi	- Biểu lộ sự giao tiếp bằng lời nói với những người gần gũi - Quan tâm đến các con vật nuôi
<b>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM , XÃ HỘI, THẨM MỸ</b>	<b>27</b>	-Nhận biết cảm xúc:Vui, buồn,sợ hãi	- Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui buồn,sợ hãi của mình với người xung quanh
	<b>28</b>	Thích chơi với đồ chơi với bạn	- Đồ chơi yêu thích -Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp
	<b>29</b>	- Dễ hòa đồng với bạn	- Chơi cùng các bạn trong nhóm
	<b>30</b>	-Thực hiện được 1 số hành vi –Lễ giáo chào hỏi-cảm ơn	- Biết chào cô giáo, ba mẹ, người lớn.Biết cảm ơn khi nhận quà
	<b>31</b>	Bảo vệ môi trường vệ sinh	-Biết bỏ rác vào thùng

	<b>32</b>	-Thích nghe hát-hát theo cô và vận động theo nhạc	-Nghe hát và nghe âm thanh của các dụng cụ: +Nghe hát:Mẹ yêu không nào-Cả nhà thương nhau-Gà trống mèo con và cún con .-Cá vàng bơi-đi chơi vườn hoa-vườn cây của ba +Nghe âm thanh:To-nhỏ,2 dụng cụ (trống lắc-thanh gõ...)
--	-----------	---	--

**\* Khởi Mâm**

<b>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN</b>	<b>SỐ TT</b>	<b>MỤC TIÊU GIÁO DỤC</b>	<b>NỘI DUNG GIÁO DỤC</b>
<b>PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b>	1	Biết thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Tập các động tác thể dục sáng. Vận động cơ bản trong thể dục giờ học.
	<b>*1</b>	Biết phối hợp các giác quan và vận động. Leo – trèo	- Leo thang
	2	Biết phối hợp vận động các giác quan bật (Bật tiến về phía trước.)	- Bật tại chỗ - Bật tiến về trước.(Bật liên tục qua 3 vòng) - Bật xa 25cm - Bật sâu
	<b>*2</b>	Biết phối hợp các giác quan và vận động. Bò – trườn	- Bò Bằng Bàn Tay Và Cẳng Chân - Bò Theo Trò Chơi “ Gấu Và Ong” - Trườn sấp
	3	Đi đúng tư thế ( Chân bước đều, phối hợp tay chân nhịp nhàng, người ngay ngắn đầu không cúi	- Đi kiễng gót liên tục 3m. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi theo đường dích dắc. - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0.2m)( đi trong đường hẹp đầu đội túi cát) - Đi ngang bước dồn
	4	Tung và bắt bóng với người đối diện (Khoảng cách 2.5m) Chơi với bóng	- Bắt và tung bóng - Chuyển bóng phải – trái - Lăn bóng theo từng đôi
	5	Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong khoảng thời gian 10 giây.	- Chạy theo trò chơi “ tín hiệu” - Chạy tự do, chạy thay đổi tốc độ. - Chạy nhanh 10m -15m - Chạy chậm
	6	Ném trúng đích	- Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay(Ném

		trúng đích ngang xa 1.5m)
7	<p>Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p> <p>+ Xếp chồng các hình khối khác nhau</p> <p>+ Sử dụng kéo, bút</p>	<p>- Các cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay.</p> <p>- Xé, dán giấy</p> <p>- Xếp chồng 8-10 khối không đổ</p> <p>+ Vẽ hình tròn theo mẫu</p> <p>+ Cắt được một đoạn dài 10cm.</p> <p>- Tô, vẽ nguệch ngoạc</p> <p>- Tự cài, cởi cúc, kéo khoá, tháo tất</p>
8	<p>Cháu có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường sạch sẽ.</p>	<p>- Cháu rèn luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định....biết giữ gìn vệ sinh môi trường.</p>
9	<p>Biết nói tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn thấy vật thật, tranh ảnh: Thịt, cá, rau quả...</p>	<p>- Nói được tên một số thực phẩm quen thuộc trong bữa ăn hằng ngày ở nhà và ở trường.</p> <p>- Biết bốn nhóm thực phẩm. Nhu cầu dinh dưỡng để cơ thể mau lớn, khoẻ mạnh.</p>
10	<p>Thực hiện một số việc đơn giản: Rửa tay, lau mặt, súc miệng, ...</p>	<p>- Thói quen rửa tay bằng xà phòng</p> <p>- Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước.</p> <p>- Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn</p> <p>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn vệ sinh cá nhân.</p>
11	<p>Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.</p>	<p>-Tránh những vật nhọn sắc như dao, nĩa, đinh que v.v.. Những nơi nguy hiểm như: hố, bếp, sàn nước, phải có người lớn đi cùng</p>
12	<p>Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm khi ăn, không ăn thực phẩm ôi thiu, nấm mốc.v.v...</p>	<p>Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm tươi sống và thực phẩm ôi thiu.</p>
13	<p>Biết sử dụng bát, thìa cốc đúng cách</p>	<p>- Khi ăn dùng bát thìa, khi uống dùng ca cốc</p>
14	<p>Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu..</p>	<p>- Nhận biết những nơi không an toàn, cách chơi không an toàn.</p> <p>- Nhận biết khi bị đau</p> <p>- Biết nói với người lớn, cô giáo ngay khi bản thân (bạn) bị đau, chảy máu..</p>
15	<p>Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.</p>	<p>- Cháu biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời</p>

			nóng nực, trời mưa biết mặt áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
<b>PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</b>	16	Phân loại đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Ghép đôi. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu
	17	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
	18	Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm
	19	Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách các nhóm đối tượng thành nhóm nhỏ hơn
	20	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
	21	Nhận biết màu sắc	- Nhận biết các màu sắc xanh – đỏ – vàng.....
	22	Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
	23	Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	24	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ; so với bạn (phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, phía phải- phía trái)
	25	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày, các mùa trong năm. Biết một số hiện tượng thiên nhiên	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối. + Mùa xuân, hạ, thu, đông +Nắng , gió, mây, mưa.... Và lợi ích
26	Nhận một số phương tiện giao thông, luật giao thông	- Một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, hàng không	



		- Các tín hiệu đèn, biển báo
27	Biết họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân + Trẻ biết về bản thân trẻ, biết giống và khác các bạn như: về bé trai, bé gái, sở thích + Hiểu được về hình dáng bên ngoài của bé: cao - thấp, béo - gầy, da đen - da trắng và kiểu tóc. + Biết cơ thể con người có 5 giác quan.
28	Biết họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình. - Họ tên các thành viên trong gia đình - Các hoạt động trong gia đình. - Công việc của mỗi người.
29	Biết địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm).
30	Biết tên của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên của trường, lớp.
31	Biết tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi trò chuyện.	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. + Cháu hiểu biết về trường mầm non: tên trường, lớp, cô giáo, bạn .... + Biết các hoạt động của lớp trong ngày. + Biết công việc, mối quan hệ của các thành viên trong trường.
32	Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm - ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Cháu biết trong xã hội có nhiều ngành nghề khác nhau : nghề dịch vụ (giáo viên, bán hàng, thợ may,...) nghề chăm sóc sức khỏe (bác sĩ, nha sĩ, y tá,...) nghề xây dựng, nghề giao thông...
33	Kể tên và nói đặc điểm	- Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của

	của một số ngày lễ hội	quê hương, đất nước.
34	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh.
35	Biết về Bác Hồ	- Ngày sinh, quê hương của Bác - Bài thơ, câu chuyện, bài hát về Bác Hồ - Kính yêu Bác Hồ
36	Biết sử dụng các từ chỉ người tên gọi đồ vật sự vật, hành động hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu
37	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai ?", "cái gì ?", "ở đâu?", "khi nào ?", "để làm gì?"
38	Sử dụng được các loại câu đơn, câu mở rộng.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
39	Đếm trên các đối tượng đến 5	- Nhận biết số lượng 3 - Nhận biết số lượng 4 - Nhận biết số lượng 5. - Thuộc các số đếm trong phạm vi 5.
40	Nhận biết giống và khác nhau	- Giống nhau - nhận biết số lượng 1 - Giống nhau - nhận biết số lượng 2
41	Nhận dạng và gọi tên các hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết hình vuông – hình tròn. - Nhận biết hình tròn, tam giác, hình vuông. - Tạo nhóm hình cùng tên gọi.
42	So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói các từ: To hơn/ nhỏ hơn, dài hơn /ngắn hơn, cao hơn / thấp hơn	- To - nhỏ. - Cao - thấp. - Dài - ngắn. - Rộng - hẹp.
43	Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	- Trẻ quan sát và nhận biết tên gọi, các bộ phận cơ bản của cây xanh. - Biết được chu trình phát triển của cây xanh. - So sánh những đặc điểm giống nhau và khác nhau của một số cây. - Biết ích lợi của cây xanh đối với đời sống con người. - Trẻ có những hiểu biết ban đầu về các con vật. Biết môi trường sống

			ích lợi, đặc điểm, cách phân loại chúng dựa vào những đặc điểm bên ngoài.
	44	Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng khi quan sát với sự giúp đỡ.	- Tham gia trả lời các câu hỏi (câu gợi ý) trong hoạt động hằng ngày của bé. - Hằng hái phát biểu ý kiến.
	45	Thích khám các sự vật hiện tượng xung quanh	- Làm một số thử nghiệm - Quan sát các sự vật hiện tượng xung quanh.
<b>PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b>	46	Phát âm rõ ràng để người khác hiểu được.	- Cô cháu cùng trò chuyện ở giờ đón, trả trẻ.. - Rèn cháu mọi lúc, mọi nơi
	47	Biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại(Cái gì? Ở đâu? Làm gì?)	- Trả lời được câu hỏi của cô (của người khác), nói tròn câu. - Rèn trẻ trong giờ phát triển ngôn ngữ.
	48	Kể được chuyện đơn giản đã được sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể 1 số câu chuyện quen thuộc theo chủ đề. - Đọc một số bài thơ theo chủ đề. - Đọc một số bài đồng dao, ca dao, tục ngữ theo chủ đề.
	49	Nhìn vào tranh minh họa và nói tên nhân vật trong tranh.	- Đọc chuyện ở góc thư viện. - Kể chuyện theo tranh.
	50	Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện. Không nói tục, chửi bậy.	- Rèn thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, biết chờ đợi không nói leo, ngắt lời. - Nói tục chửi bậy là không ngoan.
	51	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	52	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai ?", "cái gì ?", "ở đâu?", "khi nào ?", "để làm gì?"
	53	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu mở rộng.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	54	- Kể lại được sự việc đơn giản.	- Kể lại sự việc có tình tiết đơn giản.
	55	- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
	56	- Sử dụng các từ như “vâng ạ”, “Dạ”, “thưa” trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép

	57	- Chọn sách để xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn, bảo quản sách
	58	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)
<b>PHÁT TRIỂN THẨM MỸ</b>	59	- Hát tự nhiên, hát được theo bài hát quen thuộc.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	60	Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc( Vỗ tay, vận động minh hoạ).	- Rèn trẻ trong các giờ hoạt động âm nhạc - Nghe các thể loại nhạc, nhạc cụ khác nhau. - Hát và vận động minh hoạ theo lời bài hát, vỗ tay theo nhịp, phách... - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhạc, bài hát.
	61	Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Cách cầm giấy để xé. - Tạo được sản phẩm.
	62	- Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. - Xếp chồng xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Lãng dọc, xoay tròn, ấn dẹp để tạo thành các sản phẩm có 1 khối, nhiều khối.
	63	Rèn cho trẻ các kĩ năng tạo hình.	- Rèn cho trẻ kĩ năng tô màu, cách cầm bút tô đúng, đồ theo nét chấm mờ.
	64	Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Trẻ biết quan sát nhìn xem các sản phẩm và nhận xét theo ý kiến của mình.
	65	Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Trẻ ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, đồ dùng đồ chơi.
<b>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM – XÃ HỘI</b>	66	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên của bố mẹ	- Trò chuyện về gia đình, các thành viên trong gia đình,(Tên bố mẹ, anh, chị, em của trẻ) - Trẻ biết về bản thân trẻ, biết giống và khác các bạn như: về bé trai, bé gái, sở thích
	67	Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì	- Sở thích, khả năng của bản thân

	bé có thể làm được	
68	Cùng chơi với các bạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chơi thân thiện với bạn, chia sẻ cùng bạn.</li> <li>- Nhanh nhập cuộc để cùng chơi với các bạn, biết phối hợp với bạn trong quá trình chơi.</li> </ul>
69	Thực hiện một số qui định(Cất xếp đồ chơi, đồ dùng, không tranh giành đồ chơi). Giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, cha mẹ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cháu sử dụng đồ chơi ở các góc chơi, biết lấy cất đồ chơi, đồ dùng gọn gàng ngăn nắp.</li> <li>- Quan tâm chia sẻ và nhường bạn khi chơi, không tranh giành đồ chơi với bạn.</li> <li>- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình.</li> <li>- Phân biệt hành vi "đúng"- "sai" "tốt"- "xấu"</li> </ul>
70	Có gắng hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành công việc được giao</li> </ul>
71	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.</li> </ul>
72	Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.</li> </ul>
73	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kính yêu Bác Hồ</li> </ul>
74	Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</li> </ul>
75	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.</li> </ul>
76	Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung (chơi, trục nhật...)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ.</li> </ul>
77	Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không ngắt lá bẻ cành, hái lá vàng, không chọc phá con vật, cho ăn..</li> </ul>

			- Tiết kiệm điện, nước.
	78	Bỏ rác đúng nơi quy định	- Bỏ rác vào thùng rác - Giữ gìn vệ sinh môi trường
	79	Không bẻ cành, ngắt hoa	- Bảo vệ, chăm sóc, con vật và cây cối

**\* Khó Chỏi**

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	SỐ TT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
<b>PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b>	1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục sáng đúng nhịp.	-Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời.
	2	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Đi chạy làm theo người dẫn đầu - Chạy nhanh 12 m. - Chạy chậm 60 - 80m - Chạy theo TC mèo và chim sẻ. - Chạy dic dắc qua 3 - 4 chướng ngại vật
	3	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh nhạy của đôi mắt.	- Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế. - Trườn sấp theo hướng thẳng 6-8 m kết hợp bò chui qua cổng.
	4	-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: + <b>Ném trúng đích ngang</b> + <b>Ném xa</b>	- Ném trúng đích. - Ném trúng đích. Đích nằm ngang. - Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích xa 1m2.
	5	- Biết phối hợp vận động các giác quan. Bật tiến về phía trước.	- Bật tiến về phía trước. - Bật liên tục qua 5 ô vuông - Bật chụm tách chân theo ô. - Bật liên tục vào vòng. - Bật xa 40 -> 50 cm
	6	- Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) +Đi kiềng gót liên tục 3m.	- Đi thăng bằng theo TC đổi đồ chơi cho bạn. - Đi trên băng ghế đầu đội túi cát. - Đi trên băng ghế bước qua 3-4 chướng ngại vật.
	7	- Phát triển một số vận động cơ bản: Ném trúng đích thẳng đứng, đi ngang bước dồn theo trò chơi.	- Ném xa bằng một tay (theo TC ném qua dây). - Ném xa bằng 2 tay theo TC ai ném xa nhất. - Ném xa = 1 tay theo TC Thi xem

		ai ném xa nhất.
8	- Nhảy lò cò ít nhất 4 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Nhảy Nhảy lò bằng 1 chân theo TC ai nhanh hơn. - Nhảy lò cò 5m. - Nhảy lò cò bằng 1 chân 4-5 lần.
9	- Bật xa tối thiểu 40 cm. Phát triển sự nhanh nhẹn khéo léo và phối hợp giữa các chi, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho trẻ.	- Bật sâu 15-20 cm. - Bật xa 35cm - Bật xa 40 cm - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 – 40cm - Bật tách chân khép chân qua 5 ô. - Bật chụm chân theo 5 ô vuông. - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30->35cm).
10	- Trèo lên xuống thang, Thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo.	- Trèo lên xuống bậc cao 25-30cm. - Trèo lên xuống thang.
11	- Trẻ biết phối hợp tay, <b>chân nhịp nhàng khi thực hiện các vận động bò, chạy, bò chui qua cổng, bò đích dắc...</b>	- Bò, chạy theo TC đàn chuột con. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m - Bò đích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m.
12	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho các cháu.	- <b>Ném chạy theo TC “Thi xem ai ném xa nhất”</b> - <b>Nhảy- ném - chạy tổng hợp</b> - <b>Chuyên bóng trên đầu và qua chân theo TC chuyên bóng.</b>
13	- Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động. - Phát triển sự phối hợp của mắt và tay.	- Đi chạy theo trò chơi “Làm đoàn tàu” - Chạy ném trúng đích, đích nằm ngang - Đi chạy bước qua 2 chướng ngại vật cao 5-7cm - Chạy chui qua cổng <b>theo trò chơi “Thi xem tổ nào nhanh”</b> .
14	- Phối hợp tay - mắt trong vận động	- Tung và đập bóng +Tung bắt bóng với cô; bắt được ba lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m) +Tự đập bắt bóng được 3 lần liên tiếp (bóng 18cm)
15	- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt	- Đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay - Xếp chồng các hình khối khác nhau

		+ Xoay tròn cổ tay + Gập đan ngón tay vào nhau.	- Đan, tết - Xé, dán giấy - Sử dụng kéo, bút - Tô, vẽ nguệch ngoạc - Cài, cởi cúc
	16	- Cháu nhận biết được một số thực phẩm qua các món ăn tại trường	- Cháu có kỹ năng phân loại được các món ăn tại trường, và biết ăn uống nhai từ tốn, không nhai nhồm nhào, nói chuyện cười giỡn trong khi ăn.
	17	- Tập tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày tại trường: cháu biết rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + Cháu biết tập và rèn kỹ năng rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt	- Cháu có kỹ năng rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt, tự làm một số công việc tại trường. +Tập thói quen rửa tay bằng xà phòng. +Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước + Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.
	18	- Cháu có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường môi trường sạch sẽ.	- Cháu rèn luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định....biết giữ gìn vệ sinh môi trường.
	19	- Cháu nhận biết được những vật dụng nơi an toàn và không an toàn tại trường, không theo người lạ, không ra khỏi khu vực lớp, trường khi chưa được phép của cô. giữ an toàn cho bản thân và cho bạn khi chơi.	- Cháu có kỹ năng giữ gìn bảo vệ an toàn và sức khỏe. Biết gọi cô giáo khi bị ốm, không chịu theo người lạ, không ra khỏi khu vực nhóm lớp khi chưa xin phép cô giáo, không có những hành vi gây nguy hiểm cho bản thân và cho bạn.
	20	- Biết một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Biết tên ba mẹ, người thân gần gũi, biết số nhà, số điện thoại để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường. - Biết nghề nghiệp bố mẹ.
	21	- Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Cháu biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
	22	- Cháu biết nhu cầu ăn uống của gia đình.	- Các bữa ăn trong gia đình, làm quen và tham gia chế biến một số món ăn đơn giản. Làm quen 4 nhóm thực phẩm; chất bột đường, chất



		đạm, chất béo, khoáng chất và các vitamin.
23	- Giúp bố mẹ làm một số việc vừa sức	Phụ rửa rau, lấy thực phẩm đưa cho ba mẹ nấu. Làm gì khi trong nhà có người bị ốm, ví dụ: lấy nước cho người bệnh uống, nhúng khăn để người bệnh lau mát.v.v...
24	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	-Tránh những vật nhọn sắc như dao, nĩa, đinh que v.v.. Những nơi nguy hiểm như: hồ, bếp, sàn nước, phải có người lớn đi cùng
25	- Cháu có kỹ năng ăn uống các loại trái cây.	- Cháu biết rửa sạch, bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt.v.v.....như bỏ hạt, rửa sạch, không dùng dao để xắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
26	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm khi ăn, không ăn thực phẩm ôi thiu, nấm mốc.v.v...	- Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm tươi sống và thực phẩm ôi thiu.
27	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm trong ngày tết. Cháu biết giữ gìn sức khỏe trong ngày tết và khi chuyển mùa.	- Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm an toàn cho bản thân trong dịp tết. Ăn uống có chừng mực, ăn nhiều thực phẩm, nghỉ ngơi hợp lý, không thức khuya.
28	- Biết kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. Cách chế biến các món ăn.	-Tên các món ăn quen thuộc hàng ngày
29	-Biết một số món ăn thông thường đối với sức khỏe.	- Biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Biết chế biến đơn giản của một số thực phẩm.
30	- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.	- Tập đánh răng lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
31	- Biết giữ gìn sức khỏe an toàn.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh.
32	- Cháu biết mối nguy hiểm khi chọc hoặc chơi	- Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như chọc phá các con vật

		gần chó mèo lạ, cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ.	nuôi để giữ an toàn cho bản thân mình.
	33	- Cháu có thói quen tốt, vẫn minh trong ăn uống, giữ gìn cơ thể khỏe mạnh, không ăn nhiều bánh kẹo. Chơi các trò chơi vận động.	- Trẻ có thói quen tốt trong ăn uống, chào hỏi, lễ phép với mọi người. - Biết vệ sinh thân thể, không ăn bánh kẹo nhiều để bị sâu răng.
<b>PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</b>	34	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật, hiện tượng: "Vì sao cây lại héo?", "Vì sao lá cây bị úot?"	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
	35	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường / muối vào nước, dự đoán, qua sát, so sánh.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Một số đặc điểm, tính chất của nước.
	36	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu
	37	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự giống - khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống - khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
	38	- Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự. Tách - gộp hai nhóm đối	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Tách - gộp 2 nhóm đối tượng và

	tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	đếm - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.
39	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Sắp xếp theo qui tắc 1-1, 1-1-1, 2-1...	- Biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10. - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
40	- Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo
41	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...) - Hình dạng, phân biệt to - nhỏ.	- So sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Phân loại ĐDDC theo 1-2 dấu hiệu
42	- Định hướng trong không gian và thời gian	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với trẻ khác (Phía trước, sau. Trên, dưới. Phải, trái) - Nhận biết được buổi sáng-trưa-chiều.
43	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
44	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, phía phải- phía trái)
45	- Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
46	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi

47	- Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
48	- Nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
49	- Nói về bản thân, gia đình, trường Mầm Non và cộng đồng.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác trong trường. - Biết họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, đồ dùng đồ chơi, hoạt động của trẻ ở trường.
50	- Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
51	- Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương: - Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	+ <i>Một số nghề trong xã hội</i> - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
52	- Cháu biết xưng hô lễ phép, biết chào hỏi người lớn. - Biết giúp đỡ khi bạn cần. - Biết cảm ơn, xin lỗi.	- Trẻ biết mối quan hệ và xưng hô đúng mực. Không gọi bạn bằng mày tao... - Biết xưng hô với người lớn, biết nhường nhịn em nhỏ.
53	- Biết tự phục vụ bản thân. - Biết giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.	- Đánh răng, súc miệng, chải tóc... - Biết nhặt và bỏ rác đúng chỗ, không xả rác, không khạc nhổ bừa bãi...
54	- Cháu biết an toàn khi tham gia giao thông.	- Biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay, ngồi xe hơi không thò đầu ra ngoài.v..
55	- Cháu biết các loại nguồn nước, và biết sử dụng đúng nguồn nước.	- Cháu biết có các loại nước, nước uống và nước để xài, nước sinh hoạt hàng ngày. - Cháu biết ích lợi của nước đối với con người, cây cối và biết giữ gìn

			nguồn nước trong cuộc sống hàng ngày.
	56	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày, các mùa trong năm. Biết một số hiện tượng thiên nhiên.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối. + Mùa xuân, hạ, thu, đông + Nắng, gió, mây, mưa....
	57	- Nhận biết các danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh. Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
	58	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội, danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước. Cháu biết kể tên và nêu 1 số đặc điểm về Bác Hồ.	+ <i>Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá</i> - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. - Nêu được những đặc điểm về Bác Hồ. Biết Bác Hồ là lãnh tụ của nhân dân Việt Nam, Bác rất yêu thương các cháu thiếu niên nhi đồng.
	59	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Biết được những địa danh, du lịch ở địa phương nơi trẻ sinh sống. - Trẻ kể được những địa danh du lịch ở địa phương. - Biết được làng nghề truyền thống ở địa phương.
<b>PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b>	60	- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày. Nghe hiểu lời nói. - Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. - Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ vật...	+ <i>Nghe</i> - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. + <i>Nói</i> - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Bày tỏ tình cảm và nhu cầu hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Kể lại sự việc nhiều tình tiết. - Đóng kịch
	61	- Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ đồ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.

	62	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi
	63	- Dùng ngôn ngữ nói rõ ràng, mạch lạc để người nghe có thể hiểu được.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	64	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai ?", "cái gì ?", "ở đâu?", "khi nào ?", "để làm gì?"
	65	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	66	- Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
	67	- Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Kể lại truyện đã được nghe
	68	- Kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
	69	Làm quen với việc đọc – viết: - Chọn sách để xem. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
	70	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...
	71	- Sử dụng kí hiệu để "viết" tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.

	72	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố - mẹ. Nói được điều bé thích, không thích.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ. - Sở thích, khả năng của bản thân.
	73	- Hướng dẫn trẻ cách dùng từ, đặt câu, kể chuyện, nêu câu hỏi khi trò chuyện, khi diễn đạt kinh nghiệm của bản thân đối với mọi người.	- Hướng dẫn trẻ biết đặt câu, đặt từ cho phù hợp với nội dung mà trẻ cần diễn đạt. - Dạy trẻ đặt câu hỏi phải có chủ ngữ, vị ngữ, không nói ngang, nói trống không.
<b>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM-XÃ HỘI</b>	74	- Có gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Hoàn thành công việc được giao
	75	- Giáo dục trẻ ý thức hành vi văn minh nơi công cộng.	- Trẻ biết bảo vệ nơi công cộng, không xả rác và dẫm lên cỏ khi đi chơi công viên. - Dạy trẻ không nói bậy, chửi tục, có hành vi văn minh.
	76	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh...	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
	77	- Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
	78	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, cha mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Phân biệt hành vi "đúng"- "sai" "tốt"- "xấu"
	79	- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Lắng nghe cô và bạn nói.
	80	- Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ.
	81	- Trẻ nhận biết được các mối quan hệ giữa người	- Trẻ biết các mối quan hệ giữa với người như: Bạn bè, ruột thịt, họ

	với người	hàng, cấp trên, cấp dưới..	
82	- Bảo vệ giữ vệ sinh môi trường (không vứt rác bừa bãi)	- Trẻ biết giữ vệ sinh nơi công cộng, không xả rác bừa bãi.	
83	- Có thái độ lễ phép lịch sự khi gặp người lớn. - Biết nhường nhịn em nhỏ.	- Trẻ biết lễ phép với mọi người xung quanh. - Biết gặp người lớn phải khoanh tay lễ phép chào.	
84	- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Tiết kiệm điện, nước. - Bỏ rác vào thùng rác - Giữ gìn vệ sinh môi trường - Bảo vệ, chăm sóc, con vật và cây cối	
85	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	- Kính yêu Bác Hồ - Các hình ảnh của Bác Hồ với các - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	
86	- Giữ gìn bảo vệ di tích lịch sử, tự hào về đẹp quê hương.	- Dạy trẻ biết về các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh, cảnh đẹp của quê hương. - GD trẻ bảo vệ di tích và các danh lam và quê hương đất nước.	
87	- Giáo dục trẻ lòng kính trọng Bác Hồ.	- Bác Hồ kính yêu của dân tộc Việt Nam. - Bác luôn thương yêu các cháu thiếu niên nhi đồng, để tỏ lòng biết ơn Bác, các cháu phải chăm ngoan.	
88	- Hát tự nhiên, thể hiện tình cảm bài hát quen thuộc.	- Hát, bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca)	
<b>PHÁT TRIỂN THẨM MỸ</b>	89	- Hát đúng giai điệu bài hát quen thuộc, thể hiện được cảm xúc và vận động phù hợp theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.	- Vận động, sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhạc, bài hát.
	90	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Chỉ ra cái đẹp trong sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.
	91	- Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Trẻ ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, đồ dùng đồ chơi.
	92	- Rèn cho trẻ các kỹ năng	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo



		tạo hình.	<p>thành bức tranh đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.</li> <li>- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp để tạo thành các sản phẩm có 1 khối, nhiều khối.</li> <li>-Rèn cho trẻ kĩ năng tô màu, cách cầm bút tô đúng.</li> </ul>
	93	- Hình thành ở trẻ kỹ năng cảm nhận cái đẹp xung quanh và trong môi trường sống tự nhiên.	- Hình thành cho trẻ có kỹ năng cảm nhận cái đẹp xung quanh trẻ và trong cuộc sống tự nhiên.
	94	- Thích chơi 1 số trò chơi dân gian, nghe các bản nhạc, bài hát dân ca.	- Trẻ biết chơi các trò chơi dân gian, cảm nhận về âm nhạc.

**\* Khối Lá :**

<b>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN</b>	<b>CHỈ SỐ</b>	<b>MỤC TIÊU GIÁO DỤC</b>	<b>NỘI DUNG GIÁO DỤC</b>
<b>PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b>	<b>1</b>	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục buổi sáng đúng nhịp -Bật xa tối thiểu 50cm	- Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời - Bật qua vật cản 15 – 20cm - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 50 cm
	<b>2</b>	-Nhảy xuống từ độ cao 40 cm	- Nhảy xuống từ độ cao 35 cm - Nhảy từ trên cao xuống 35 cm – 40cm
	<b>3</b>	- Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân.
	<b>4</b>	- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m)	*- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích đứng 1 tay, 2 tay. - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân.
	<b>5</b>	- Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.	-Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m -Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang

6	- Biết Tự mặc và cởi quần áo.	- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay. - Lắp ráp các hình, xâu luôn các hạt, buộc dây. - Cài, cởi cúc áo, quần, kéo khoá.
7	- Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Đứng co 1 chân, Nhảy lò cò tự do, Nhảy lò cò 4 – 5 m - Nhảy lò cò, đổi chân.
8	- Đi,đạp và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5-lần liên tiếp	- Đi và đạp bắt bóng - Chuyển bóng qua đầu, qua chân.
9	- Đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuy gối. - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục.
10	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian	- Chạy tự do, Chạy thay đổi tốc độ. - Chạy tốc độ vừa sức.
11	- Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	- Chạy theo đường zích zắc. - Chạy chậm khoảng 100 -120m- - Chạy liên tục khoảng 100m - 120 không hạn chế thời gian.
12	- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	- Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập - Rèn tính tập trung chú ý. - Tổ chức các hoạt động có chủ đích
13	- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	- Thói quen rửa tay bằng xà phòng - Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước. - Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khoẻ. Giữ gìn vệ sinh cá nhân
14	- Biết Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày	- Ích lợi của việc vệ sinh răng miệng - Kỹ năng đánh răng, lau mặt. - Thói quen đánh răng rửa mặt hàng ngày. - Giữ gìn vệ sinh răng miệng. đầu tóc mặt mũi...
15	- Biết Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	- Nói được các bữa ăn trong ngày và một số thức ăn hàng ngày ở trường, ở nhà , - Kể tên những món ăn mà trẻ biết,

		cách chế biến một số món ăn đơn giản
<b>16</b>	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Biết bốn nhóm thực phẩm .Nhu cầu dinh dưỡng để cơ thể mau lớn, khỏe mạnh. - Làm quen một số thao tác trong việc chế biến món ăn, thức uống đơn giản. - Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, ...) - Biết và không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt để bị béo phì. - Biết và không ăn những món ăn nguội lạnh, ôi thiu, những thức ăn không hợp vệ sinh.
<b>17</b>	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như: Cây nhọn, que, đinh, kim, thủy tinh, dao., kéo.. - Biết bảo vệ sức khỏe không chơi những vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng.
<b>18</b>	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như: Chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, nhét hạt vào mũi... - Ý thức trong việc bảo vệ an toàn cho bản thân và mọi người. - Biết được hành động đúng , hành động sai
<b>19</b>	-Biết, không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	- Nhận biết những nơi không an toàn như: Chơi gần ổ cắm điện, bếp lò, bình nước đun sôi, giếng nước, ao hồ, chơi ngoài lòng đường, chuồng trại nuôi thú... - Nhận biết và không chơi những nơi mất vệ sinh như : Khu chôn nuôi, bãi rác, ...
<b>20</b>	- Biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	-Giáo Dục Trẻ có thói quen xin phép cô, ba -mẹ, người lớn, người thân khi nhận quà . Không theo người lạ mặt ra khỏi trường. - Biết tránh một số trường hợp

			không an toàn: Có người lạ bế ẵm, cho kẹo, rủ đi chơi...
	21	- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, đuối nước, động vật cắn, ông đốt, tai nạn liên quan đến giao thông, vật sắc nhọn, các hạt hạt làm ngạt thở, điện giật,... - Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm.
	22	- Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	- Nhận biết một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá như: Ho, khó chịu, khó thở, viêm phổi... - Không đến gần người đang hút thuốc lá.
<b>PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</b>	23	-Biết nói 1 số thông tin quan trọng về bản thân, gia đình, trường lớp, quê hương và Bác Hồ.	-Các thông tin về cá nhân như: họ tên, ngày sinh, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân, trách nhiệm của bản thân trong gia đình, trong lớp học -Các thông tin về gia đình: họ tên bố, mẹ, anh chị, địa chỉ, số nhà, số điện thoại của bố, mẹ, của gia đình. -Biết về các thành viên trong gia đình, vị trí của trẻ trong gia đình, hoạt động và thức ăn của gia đình, mối quan hệ họ hàng... - Có nhiều loại nhà khác nhau: Cao tầng, 1, 2 tầng, nhà trệt, nhà ngói... Nhà nơi bé sống, sum họp cùng gia đình... - Chất liệu làm ra nhà: xi măng, gạch, cát... nhà có sân vườn, cây cối, con vật... -Nghề nghiệp của bố, mẹ và nơi làm việc của các thành viên trong gia đình. sở thích của các thành viên trong gia đình, nhu cầu của gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn) -Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của

		<p>các cô, các bác trong trường.</p> <p>- Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.</p> <p>- Trẻ biết quê hương là nơi chúng ta sinh ra, ở đó có làng xóm, xã phường... Có nhiều họ hàng ruột thịt, biết các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh ở địa phương.</p> <p>- Trẻ biết Thủ Đô Hà Nội là trung tâm của nước Việt Nam, có nhiều cảnh đẹp, di tích lịch sử, các công trình kiến trúc văn hóa đẹp và ý nghĩa lịch sử của các di tích đó. Biết Bác Hồ là vị lãnh tụ dân tộc. Khi còn sống Bác rất yêu thương các cháu nhỏ và các cháu nhỏ cũng rất kính yêu Bác. Nay Bác không còn nữa, hiện lăng Bác đặt tại quảng trường Ba Đình ở Thủ Đô Hà Nội</p>
24	- Biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	<p>- Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.</p> <p>*- Biết một số ứng xử cần có của bạn gái, bạn trai.</p> <p>- Biết lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính.</p> <p>- Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</p>
25	- Biết gọi tên nhóm cây cối, con vật, đồ vật theo đặc điểm chung	<p><b>a/Cây cối, con vật</b></p> <p>- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.</p> <p>- So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.</p> <p>- Phân loại cây hoa quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu.</p> <p><b>b/ Đồ dùng đồ chơi</b></p> <p>- Tên gọi, đặc điểm, chất liệu, cấu tạo và công dụng của đồ dùng đồ chơi.</p> <p>- Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.</p> <p>- Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu.</p>
26	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển	<p><b>a/ Con vật, cây.</b></p> <p>- Quá trình phát triển của cây, con</p>

		<p>của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên</p> <p>vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, con vật với môi trường sống.</li> <li>- Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây cối.</li> </ul> <p><b>b/ Hiện tượng tự nhiên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.</li> <li>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng.</li> <li>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi</li> <li>- Các nguồn nước trong môi trường sống.</li> <li>- Một số đặc điểm, tính chất của nước.</li> <li>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước</li> <li>- Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối.</li> <li>- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, các con vật và cây cối.</li> </ul>
	27	<p>Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.</p> <p>*- Biết tên gọi các mùa trong năm : Mùa xuân, mùa hè, mùa đông và mùa thu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.</li> <li>+ Mùa xuân: Nhiều hoa nở, có nhiều quả ngon, không khí mát mẻ.</li> <li>+ Mùa hè: Nắng, gió, oi bức, có nhiều hoa phượng nở. có một số trái cây đặc trưng vào mùa hè</li> <li>+ Mùa Thu: Bầu trời trong xanh gió mát, có ngày nắng ngày mưa, mùa bé tựu trường...</li> <li>+ Mùa đông: Trời se lạnh, trong mùa đông có lễ Noel.</li> </ul>
	28	<p>Biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số hiện tượng sắp có mưa như : Mây đen, gió to, trời sầm tối, sầm chớp...</li> <li>. Trời nắng: Bầu trời trong xanh, mây trắng, có ông mặt trời...</li> </ul>

		-Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
29	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng</li> <li>* <b>Phương tiện giao thông</b> ( đặc điểm...)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi.</li> <li>- So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng.</li> <li>- Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu.</li> <li>* Phương tiện giao thông.</li> <li>- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.</li> <li>- Phân loại phương tiện theo 2 – 3 dấu hiệu</li> </ul>
30	- Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên gọi và đặc điểm nổi bật của một số địa điểm công cộng tại địa phương, trường tiểu học, ...</li> <li>- Một số hoạt động ở các khu công cộng trẻ biết.</li> </ul>
31	- Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	<ul style="list-style-type: none"> <li>*- Tên gọi, công cụ và sản phẩm của một số nghề trong xã hội.</li> <li>- Ý nghĩa của các nghề quen thuộc, nghề truyền thống ở địa phương.</li> </ul>
32	- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.	<ul style="list-style-type: none"> <li>*- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</li> <li>- Ôn, nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.</li> <li>- Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày ( Số nhà, biển số xe...).</li> <li>- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.</li> </ul>
33	– Biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>*- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách.</li> <li>- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.</li> <li>-So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 10</li> </ul>
34	- Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.	<p><b>a/ Đo độ dài</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau</li> <li>- Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo.</li> </ul> <p><b>b/ Đo dung tích.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.</li> </ul>

	35	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.</li> <li>- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.</li> <li>- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.</li> </ul>
	36	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định vị trí của đồ vật ( phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.</li> </ul>
	37	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai</li> <li>- Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự</li> </ul>
	38	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết chữ số biểu thị tên gọi của các thứ/ngày trong tuần.</li> <li>-Phân biệt được các sự kiện diễn ra trong ngày/ tuần.</li> </ul>
	39	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được ngày trên lịch lịch và giờ trên đồng hồ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem lịch biết đọc số biểu thị thứ tự các ngày trên lịch.</li> <li>- Xem đồng hồ, nói được giờ trên đồng hồ.</li> </ul>
	39	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích đặt câu hỏi;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu và làm rõ thông tin về một sự vật, sự việc hay người nào đó.</li> <li>- Chủ động đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, quan sát...</li> </ul>
	40	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm một số thí nghiệm</li> <li>- Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật hiện tượng nào đó.</li> <li>-Quan sát các sự vật , hiện tượng xung quanh</li> </ul>
	41	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát và phân tích đơn giản một số hiện tượng xảy ra trong sinh hoạt hàng ngày.</li> <li>- Biết nguyên nhân dẫn đến kết quả của một số sự việc.</li> </ul>
	42	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết loại được một đối</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra sự khác biệt của một đối</li> </ul>



		tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại;	tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại. - Biết giải thích khi loại bỏ đối tượng đó.
	<b>43</b>	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - Nhận ra qui tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
	<b>44</b>	- Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát;	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc 1 đoạn) - Thay tên mới cho câu chuyện đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. - Đặt tên cho đồ vật trẻ thích.
	<b>45</b>	. - Biết thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình;	- Lựa chọn cách thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. - Có ý tưởng khác với các bạn khi tạo ra sản phẩm nào đó.
	<b>46</b>	- Biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác.	- Biết thay tên nhân vật, tên câu chuyện phù hợp với nội dung. - Kể chuyện sáng tạo - Kể lại câu chuyện quen thuộc theo các khác
<b>PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b>	<b>47</b>	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Kể chuyện cho trẻ nghe - Đóng kịch theo nội dung câu chuyện vừa kể
	<b>48</b>	- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;	- Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi trẻ
	<b>49</b>	- Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp
	<b>50</b>	- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
	<b>51</b>	- Nói rõ ràng, phát âm đúng, không nói ngọng, mạnh dạn giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày ở	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Đọc những bài đồng dao luyện phát

	lóp.	âm. - Trò chuyện, đàm thoại 1 số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
<b>52</b>	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu. Phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Đọc những bài đồng dao luyện phát âm. - Trò chuyện, đàm thoại một số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
<b>53</b>	- Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp;	- Sử dụng các từ chỉ hành động, tính chất, từ biểu cảm, hình tượng. - Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông...
<b>54</b>	- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
<b>55</b>	- Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu.
<b>56</b>	- Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được;	- Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng thống nhất tham gia vào hoạt động.
<b>57</b>	- Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;	- Biết dùng lời nói để diễn tả, miêu tả lại một sự việc hay hiện tượng nào đó mà trẻ biết hoặc chứng kiến. - Biết kể theo trình tự, lô gích, tốc độ vừa phải để người khác hiểu.
<b>58</b>	- Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Chủ động trò chuyện, thảo luận trong nhóm chơi hoặc trong các cuộc giao tiếp với người lớn. - Đặt các câu hỏi thảo luận để duy trì và phát triển cuộc trò chuyện.

59	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;	- Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với nhu cầu giao tiếp. - Các hành vi, thái độ tôn trọng người khác trong giao tiếp.
60	- Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;	- Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt.
61	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;	- Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Giáo dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
62	- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;	- Biết dùng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để thể hiện mình chưa hiểu lời người khác nói. - Biết đặt câu hỏi phù hợp để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói.
63	- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;	- Biết sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép. các từ biểu cảm, hình tượng. - Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.
64	- Không nói tục, chửi bậy.	- Biết nói tục chửi bậy là không tốt, không ngoan. - Có thái độ không đồng tình như: Nhắc bạn bạn không được chửi bậy, nói tục – xấu lắm, hoặc thưa cô khi có bạn chửi bậy...
65	- Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;	- Nhận dạng các chữ cái đã học. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
66	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản.	- Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi một mình. - Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách ( Nhờ người lớn giải thích nội dung tranh, những chữ chưa biết...)
67	- Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Xem, nghe đọc và tự “đọc” sách. - Có một số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách ( giữ sách từng trang, không

		quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định.
<b>68</b>	- Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống hàng ngày ( Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...)
<b>69</b>	- Có một số hành vi như người đọc sách;	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc sách từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trái sang phải, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
<b>70</b>	- “Đọc” theo truyện tranh đã biết;	- Xem và đọc các loại sách khác nhau. - Đọc truyện qua tranh vẽ.
<b>71</b>	- Biết kể chuyện theo tranh.	- Biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện. - Sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể một câu chuyện có mở đầu có kết thúc.
<b>72</b>	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;	- Biết chữ viết có thể đọc được, có thể dùng chữ viết để thay cho lời nói. - Biết làm bưu thiếp, thư chúc mừng người thân bằng chữ viết.
<b>73</b>	- Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái;	- Làm quen với cách viết tiếng Việt, Hướng viết các nét chữ. - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
<b>74</b>	- Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình;	- Khả năng viết, sao chép tên của mình. - Biết viết tên của mình theo ý thích như viết thường, viết hoa, đầy đủ tên hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình ...
<b>75</b>	- Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới;	- Hướng viết của các nét chữ. - Tô các chữ cái đã học - Thực hiện vở bé tập tô
<b>76</b>	- Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Làm quen với các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Tô, đồ các nét chữ cái đã học. - Nhận dạng một số chữ cái trong

			bảng chữ cái tiếng việt. Phân biệt chữ cái và chữ số.
<b>PHÁT TRIỂN THẨM MỸ</b>	<b>77</b>	- Vẽ, tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ.	- Cách cầm bút, tư thế ngồi. - Tô màu trên hình rỗng đã vẽ sẵn - Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích
	<b>78</b>	- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản	- Cắt theo đường thẳng, đường cong. - Cắt rời các hình trên tạp chí, hoạ báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ.
	<b>79</b>	- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.	, - Dán hình theo ý thích - Dán hình vào vị trí qui định. Không bị nhăn - Dán hình trang trí bức tranh
	<b>80</b>	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;	- Khoe với người khác về công việc mình đã hoàn thành. - Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi.
	<b>81</b>	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẽ đẹp trong cuộc sống hàng ngày của trẻ, đồ dùng, đồ chơi. - Nhận ra cái đẹp trong nghệ thuật như: Tạo hình, âm nhạc.
	<b>82</b>	- Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Dùng các biểu tượng, hình mẫu, ký tự khác nhau để thể hiện cảm xúc, nhu cầu của mình - Vẽ những ký hiệu theo ý thích - Nói ý tưởng và đặt tên sản phẩm tạo hình của mình.
	<b>83</b>	- Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc;	- Hát, vận động, Nghe các thể loại nhạc, nhạc cụ khác nhau ( Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển.) - Nghe và nhận ra sắc thái ( vui, buồn, tình cảm tha thiết) của một số bài hát, bản nhạc phù hợp lứa tuổi.
	<b>84</b>	- Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;	*- Hát vận động các bài hát phù hợp lứa tuổi và các chủ đề trong năm. - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
<b>85</b>	- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;	- Hát và Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	

			- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu ( nhanh, chậm, phối hợp)
	<b>86</b>	- Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản;	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm. - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	<b>87</b>	- Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	- Vẽ, xé dán, nặn một số sản phẩm tạo hình theo đề tài, theo ý thích. - Nói lên ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
	<b>88</b>	- Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.	- Vận động minh họa sáng tạo một số bài hát - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc ( Một câu hoặc một đoạn) - Tạo âm thanh nhạc cụ, tiếng gió , tiếng suối chảy...
<b>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI</b>	<b>89</b>	- Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.	*- Thói quen tốt trong giao tiếp với mọi người, trong ăn uống hoặc những nơi công cộng. - Một số thói quen hành vi văn minh
	<b>90</b>	- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp	- Thói quen tự phục vụ để giữ vệ sinh cá nhân. - Giữ đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng.
	<b>91</b>	- Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
	<b>92</b>	- Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	-Mạnh dạn bày tỏ ý kiến sở thích của bản thân - Đề xuất trò chơi và hoạt động - Biết thuyết phục bạn về đề xuất của mình
	<b>93</b>	- Cố gắng thực hiện công việc đến cùng;	- Tự tin khi thực hiện công việc được giao - Biết trách nhiệm bản thân trong lớp học -Hoàn thành công việc được giao
	<b>94</b>	- Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng	*- Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ

	ngày;	của người khác như: Tự cất đồ chơi sau khi chơi, Tự giác đi rửa tay.
<b>95</b>	- Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	*- Nói được điều trẻ thích, không thích, làm được không làm được. - Tự tin khi tham gia thảo luận cùng cô và các bạn.
<b>96</b>	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;	*- Nhận biết và nói được các trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, phim hình...
<b>97</b>	- Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt;	*- Nhận biết và thể hiện cảm xúc ( vui, buồn, sợ hãi, tức giận) với bố mẹ, anh chị em, bạn bè, cô giáo...) - Tình cảm yêu thương và Kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm với các con vật - Thể hiện tình cảm với thiên nhiên. - Cảnh đẹp của quê em.
<b>98</b>	- Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè;	*- Nhận biết tâm trạng của người thân, bạn bè. - Biết quan tâm chia sẻ, an ủi bạn bè, người thân bằng cử chỉ lời nói phù hợp với tâm trạng ( vui, buồn) của họ.
<b>99</b>	- Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc;	*- Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển. - Biết thể hiện tình cảm với các con vật Cho con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm... - Thể hiện tình cảm với thiên nhiên Thích được tham gia chăm sóc cây cối như : Nhặt lá úa, nhổ cỏ, lau lá cây, ...
<b>100</b>	- Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	*- Biết điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với tình huống, hoàn cảnh. - Biết thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống, phù hợp hoàn cảnh.
<b>101</b>	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	*- Biết trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an

		<p>úi, chia sẻ và giải thích.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân.</li> <li>- Biết an ủi và chung vui với người thân và gia đình.</li> </ul>
<b>102</b>	- Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	<p>*- Biết tạo sự thân thiện trong quá trình tham gia chơi tập thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn.</li> <li>- Biết chia sẻ, giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi</li> </ul>
<b>103</b>	- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp.</li> <li>- Chủ động bắt chuyện và trả lời các câu hỏi trong giao tiếp.</li> </ul>
<b>104</b>	- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chơi thân thiện với bạn, Chia sẻ với bạn những cảm xúc vui buồn của bản thân.</li> <li>- Biết lắng nghe ý kiến, Trao đổi, hướng dẫn và chia sẻ đồ dùng với bạn trong hoạt động cùng nhóm.</li> </ul>
<b>105</b>	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Biết chủ động giúp đỡ khi thấy bạn, người khác gặp khó khăn.</li> <li>- Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.</li> </ul>
<b>106</b>	- Có nhóm bạn chơi thường xuyên;	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Thích chơi cùng với các bạn, Cử chỉ thân mật, tôn trọng và hợp tác.</li> <li>-Quan tâm, chia sẻ và nhường nhịn bạn khi chơi.</li> </ul>
<b>107</b>	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Có ý thức chờ đợi đến lượt, không chen lấn xô đẩy bạn,</li> <li>- Rèn luyện tính kiên trì. Tuân thủ theo nội qui qui định của lớp học.</li> <li>-Nề nếp thói quen trong học tập , sinh hoạt.</li> </ul>
<b>108</b>	- Lắng nghe ý kiến của người khác;	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết chú ý lắng nghe khi người khác nói, kể chuyện.</li> <li>- Mạnh dạn tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp.</li> <li>-Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện.</li> </ul>
<b>109</b>	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn;	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ tự tin, cởi mở và thân thiện với các bạn.</li> <li>- Vui vẻ trình bày ý kiến và cùng</li> </ul>



		thảo luận với các bạn trong các hoạt động, trong nhóm chơi.
<b>110</b>	- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;	- Chơi với bạn vui vẻ, không đánh bạn, biết giúp đỡ bạn. - Có cách ứng xử, giải quyết vấn đề khi trong nhóm chơi gặp mâu thuẫn.
<b>111</b>	- Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;	- Vui vẻ, chấp nhận và hợp tác. - Thái độ chấp hành nhiệm vụ một cách vui vẻ và sẵn sàng.
<b>112</b>	- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	- Chủ động, độc lập trong một số hoạt động. - Thực hiện công việc được giao ( Trục nhật, xếp dọn đồ chơi)
<b>113</b>	- Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;	- Trẻ biết chấp hành một số quy tắc, qui định ở lớp, gia đình, nơi công cộng - Cách giao tiếp ứng xử có văn hóa với mọi người . - Biết giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ ảnh hưởng gì đến lớp, bạn và mọi người..
<b>114</b>	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;	- Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn.
<b>115</b>	- Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;	- Mạnh dạn nhờ sự giúp đỡ của cô và các bạn khi cần thiết. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến.
<b>116</b>	- Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;	- Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;
<b>117</b>	- Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	- Thói quen bỏ rác vào thùng, Cát dọn đồ dùng đồ chơi ngăn nắp, Tham gia quét, dọn vệ sinh lớp. - Tiết kiệm điện nước. - Chăm sóc cây xanh trong lớp.
<b>118</b>	- Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	- Nhận biết khả năng, sở thích của người thân, bạn bè. - Nói được sở thích và khả năng của người thân.
<b>119</b>	- Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với	- Điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn. (về giới tính, vóc dáng,

		mình;	màu da, Gia đình giàu có, gia đình nghèo...) -Sở thích, khả năng, năng khiếu của bản thân Vị trí và trách nhiệm của bé trong gia đình. -Vị trí và trách nhiệm của bé ở lớp, ở trường.
	120	- Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	- Biết tôn trọng mọi người, có ý thức chấp nhận sự công bằng trong nhóm bạn. - Mạnh dạn nhận xét và có ý kiến về sự công bằng giữa các bạn.

### C. PHẦN III : CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ NĂM 1/ NHÀ TRẺ:

#### • NHÓM 1: 25 – 36 THÁNG

THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	Tuần n	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN	GHI CHÚ
Từ ngày 05/09/2023 Đến ngày 22/09/2023 ( 3 tuần)	TRƯỜNG MÀM NON THÂN YÊU	1	Trường lớp của bé( 1 tuần)	-Từ ngày 05/09/23 Đến ngày 08/09/23	<b>*Nghỉ lễ Quốc Khánh 2/9 T2: 02/9/23</b>
		2	ĐDĐC của bé ( 1 tuần)	-Từ ngày 11/09/23 Đến ngày 15/09/23	
		3	Bé và các bạn ( 1 tuần)	-Từ ngày 18/09/23 Đến ngày 22/09/23	
			<b>* Ngày hội đến trường : T3: 05/9/2023 *Ngày Tết Trung Thu.T7: 29/09/2023 ( 15/8 AL)</b>		
Từ ngày 25/09/2023 Đến ngày 27/10/2023 (5 tuần)	BÉ VÀ GIA ĐÌNH	4,5	Những người thân của bé (2 tuần)	-Từ ngày 25/09/23 Đến ngày 06/10/23	
		6	Đồ dùng cá nhân (1 tuần)	-Từ ngày 09/10/23 Đến ngày 13/10/23	
		7	Đồ dùng học tập ( 1 tuần)	-Từ ngày 16/10/23 Đến ngày 20/10/23	
		8	Đồ dùng trong gia đình (1 tuần)	-Từ ngày 23/10/23 Đến ngày 27/10/23	
Từ ngày 30/10/2023 Đến ngày 01/12/2023 (05 tuần)	NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU	9,10,11	Các con vật nuôi trong gia đình( gà, vịt, chó, mèo, heo, bò) (3 tuần)	- Từ ngày 30/10/23 Đến ngày 17/11/23	<b>* Sinh hoạt Ngày nhà giáo Việt nam Chủ Nhật: 20/11/2023</b>
		12, 13	Các con vật sống dưới nước ( Cá, tôm, cua, ốc) ( 2 tuần)	-Từ ngày 20/11/23 Đến ngày 01/12/23	

Từ ngày 04/12/2023 Đến ngày 29/12/2023 (04 tuần)	<b>NHỮNG CON VẬT SỐNG TRONG RỪNG</b>	14, 15	- Các con vật sống trong rừng (Gấu, voi, khỉ, hổ) ( 2 tuần )	-Từ ngày 04/12/23 Đến ngày 15/12/23	
		16, 17	-Các con vật có cánh biết bay ( Chim, bướm) ( 2 tuần )	-Từ ngày 18/12/23 Đến ngày 29/12/23	<b>*Nghỉ Tết Dương lịch Thứ 2: 1/1/2024</b>
			<b>*Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam – T6:22/12/2023 *NOEL- Thứ 2 :25/12/2023</b>		
Từ ngày 01/01/2024 Đến ngày 19/01/2024 (3 tuần)	<b>LÀM QUEN MỘT SỐ LOÀI HOA</b>	18	- Hoa sen – Đồng tiền (1 tuần)	-Từ ngày 01/01/2024 Đến ngày 05/01/24	
		19	Hoa hồng – Hoa cúc(1 tuần)	-Từ ngày 08/01/24 Đến ngày 12/01/24	
		20	- Hoa đào- Hoa mai(1 tuần)	-Từ ngày 15/01/24 Đến ngày 19/02/24	
Từ ngày 22/01/2024 Đến ngày 02/02/2024 -Từ ngày 26/02/2024 =>01/03/24 (3 tuần)	<b>BÉ THÍCH CÁC LOẠI “RAU CỦ”</b>	21	- Bắp cải- Rau muống(1 tuần)	-Tùngày 22/01/24 Đến ngày 26/01/24	<b>*Nghỉ Tết Âm lich từ ngày: 05/02/2024 =&gt; 16/02/2024 - Đi học từ ngày: 19/02/2024</b>
		22	- Su hào – Cà rốt (1tuần)	-Từ ngày 29/01/24 Đến ngày 02/02/24	
		23	- Trái bí – quả cà chua. (1tuần)	-Từ ngày 26/02/24 Đến ngày 01/03/24	
-Từ ngày 04/03/2024 Đến ngày 05/04/2024 (5 tuần)	<b>BÉ ĐI BẰNG PHƯƠNG TIỆN GÌ ?</b>	24, 25	-Phương tiện đường bộ (2 tuần)	-Từ ngày 04/03/24 Đến ngày 15/03/24	<b>*Tết của bà, mẹ và cô (Quốc tế phụ nữ 8/3)- T6: 08/03/2024</b>
		26	- Phương tiện đường thủy (1 tuần)	-Từ ngày 18/03/24 Đến ngày 22/03/24	
		27, 28	-Phương tiện đường hàng không, đường sắt (2 tuần)	-Từ ngày 25/03/24 Đến ngày 05/04/24	
Từ ngày 08/04/2024 Đến ngày 03/05/2024 (4 tuần)	<b>BÉ THÍCH CÁC LOẠI QUẢ</b>	29	- Quả cam – Quả bưởi (1 tuần)	-Từ ngày 08/04/24 Đến ngày 12/04/24	<b>*Nghỉ Giỗ Tổ Hùng Vương ( Mùng 10/3): Thứ 5 : 18/4/2024 * Nghỉ lễ - Giải phóng Miền Nam Việt Nam 30/4 T3: 30/04/2024</b>
		30	- Quả thơm – Đu đu (1 tuần)	-Từ ngày 15/04/24 Đến ngày 19/04/24	
		31	- Dưa hấu – Sa pôchê(1 tuần)	-Từ ngày 22/04/24 Đến ngày 26/04/24	
		32	- Quả xoài -Mãng cầu(1 tuần)	-Từ ngày 29/04/24 Đến ngày 03/05/24	

					- Quốc tế Lao động 1/5 T4: 01/05/2024
-Từ ngày 06/05/2024 Đến ngày 24/05/2024 (3 tuần)	<b>MÙA HÈ CỦA BÉ</b>	33	-Mùa hè đến ( 1 tuần)	-Từ ngày 06/05/24 Đến ngày 10/05/24	* SN Bác Hồ 19/5 * Tổng kết năm học
		34, 35	-Bé đi mẫu giáo (2 tuần)	-Từ ngày 13/05/24 Đến ngày 24/05/24	

• **NHÓM 18 – 24 THÁNG**

<b>THỜI GIAN</b>	<b>CHỦ ĐỀ</b>	<b>CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH</b>	<b>THỜI GIAN</b>	<b>GHI CHÚ</b>
Từ ngày 05/09/2023 Đến ngày 22/09/2023 (3 tuần)	<b>TRƯỜNG MẦM NON CỦA BÉ (Tuần 1,2,3)</b>	- Trường lớp của bé. (1tuần)	-Từ ngày 05/09/23 Đến ngày 08/09/23	*Nghỉ lễ Quốc Khánh 2/9 Thứ sáu: 01/9/2023 Thứ sáu: 04/9/2023
		-Bé và các bạn. (1tuần)	-Từ ngày 11/09/23 Đến ngày 15/09/23	
		-Đồ chơi của bé (1tuần)	-Từ ngày 18/09/23 Đến ngày 22/09/23	
		<b>* Ngày hội đến trường T2: 5/9/2023 *Ngày Tết Trung Thu. T6:29/09/2023 ( 15/8 AL)</b>		
Từ ngày 25/09/2023 Đến ngày 20/10/2023 (4 tuần)	<b>GIA ĐÌNH CỦA BÉ (Tuần 4,5,6,7)</b>	-Gia đình của bé(1 tuần )	-Từ ngày 25/09/23 Đến ngày 29/09/23	
		-Những người thân của bé(1 tuần )	-Từ ngày 02/10/23 Đến ngày 06/10/23	
		-Đồ dùng của bé(1 tuần )	-Từ ngày 09/10/23 Đến ngày 13/10/23	
		-Đồ dùng trong gia đình. ( 1 tuần )	-Từ ngày 16/10/23 Đến ngày 20/10/23	
Từ ngày 23/10/2023 Đến ngày 17/11/2023 (4 tuần)	<b>CÁC CON VẬT ĐÁNG YÊU (Tuần</b>	- Các con vật nuôi trong gia đình. ( 2 tuần )	-Từ ngày 23/10/23 Đến ngày 03/11/23	
		-Các con vật sống dưới nước (1tuần)	-Từ ngày 06/11/23 Đến ngày 10/11/23	

	<b>8,9,10,11)</b>	-Các con vật sống trong rừng(1tuần)	-Từ ngày 13/11/23 Đến ngày 17/11/23	
Từ ngày 20/11/2023 Đến ngày 15/12/2023 (4tuần)	<b>CÁC LOẠI HOA-QUẢ (Tuần 12,13,14,15)</b>	- Các loại hoa (2 tuần )	-Từ ngày 20/11/2023 Đến ngày 01/12/2023	
		-Các loại quả(2 tuần ) <i>*Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/23</i>	-Từ ngày 04/12/2023 Đến ngày 15/12/2023	
Từ ngày 18/12/2022 Đến ngày 12/01/2024 (4 tuần)	<b>GIA ĐÌNH CỦA BÉ (Tuần 16,17,18,19)</b>	-Gia đình của bé. (1 tuần )	-Từ ngày 18/12/23 Đến ngày 22/12/23	<i>*Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12/2023 *NOEL</i>
		-Đồ dùng của bé. (1 tuần )	-Từ ngày 25/12/23 Đến ngày 29/12/23	
		-Đồ chơi của bé. (1 tuần )	-Từ ngày 01/01/24 Đến ngày 05/01/24	
		-Đồ dùng trong gia đình. ( 1 tuần )	-Từ ngày 08/01/24 Đến ngày 12/01/24	
Từ ngày 15/01/2024 Đến ngày 01/03/2024 (4 tuần)	<b>CÁC CON VẬT ĐÁNG YÊU (Tuần 20,21,22,23)</b>	- Các con vật nuôi trong gia đình ( 2 tuần )	-Từ ngày 15/01/2024 Đến ngày 26/01/2024	<i>*Nghỉ tết Nguyên Đán từ ngày: 05/02/24 =&gt;18/02/24 *Ôn định sau tết Nguyên Đán: 19/02/24 =&gt;23/02/24</i>
		-Các con vật sống dưới nước(1 tuần)	-Từ ngày 29/01/2024 Đến ngày 02/02/2024	
		-Các con vật sống trong rừng (1 tuần )	-Từ ngày 26/02/2024 Đến ngày 01/03/2024	
Từ ngày 04/03/2024 Đến ngày	<b>PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG</b>	- Phương tiện giao thông đường bộ (1 tuần )	-Từ ngày 04/03/2024 Đến ngày 08/03/2024	<i>*Tết của bà, mẹ</i>

29/03/2024 (4 tuần)	<b>(Tuần 24,25,26,27)</b>	- Phương tiện giao thông đường thủy (1 tuần )	-Từ ngày 11/03/2024 Đến ngày 15/03/2024	
		- Phương tiện giao thông đường sắt (1 tuần )	-Từ ngày 18/03/2024 Đến ngày 22/03/2024	
		- Phương tiện giao thông đường hàng không. (1 tuần )	-Từ ngày 25/03/2024 Đến ngày 29/03/2024	
Từ ngày 01/04/2024 ngày 26/04/2024 (4 tuần)	<b>GIA ĐÌNH CỦA BÉ (Tuần 28,29,30,31)</b>	-Gia đình của bé (1 tuần )	-Từ ngày 01/04/24 Đến ngày 05/04/24	
		-Đồ dùng của bé (1 tuần )	-Từ ngày 08/04/24 Đến ngày 12/04/24	
		-Đồ chơi của bé (1 tuần )	-Từ ngày 15/04/24 Đến ngày 19/04/2024	
		-Đồ dùng trong gia đình. ( 1 tuần )	-Từ ngày 22/04/24 Đến ngày 26/04/24	
Từ ngày 29/04/2024 Đến ngày 24/05/2024 (4 tuần)	<b>CÁC LOẠI HOA QUẢ (Tuần 32,33,34,35)</b>	- Các loại quả. ( 2 tuần )	-Từ ngày 29/04/24 Đến ngày 10/05/24	* <i>Nghỉ lễ</i> - <i>Ngày quốc tế lao động</i> <i>Thứ tư:</i> <i>01/05/2024</i>
		-Các loại rau củ (2 tuần ) <b>* Mừng sinh nhật Bác Hồ 19/5</b> <b>*Tổng kết năm học – Quốc tế thiếu nhi 1/6</b>	-Từ ngày 13/05/24 Đến ngày 24/05/24	

## 2/ MẪU GIÁO:

- **KHỐI MÀM: 12 CHỦ ĐỀ**

THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN	GHI CHÚ
Từ ngày 04/09/2023 Đến ngày 29/09/2023 ( 4 tuần)	<b>TRƯỜNG MÀM NON THÂN YÊU</b>	ĐDĐC của bé ( 1 tuần))	-Từ ngày 04/9/2023 Đến ngày 08/9/2023	
		Lớp mầm thân yêu của bé ( 1 tuần)	-Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 15/9/2023	

		Công việc của người lớn trong trường MN(1 tuần)	-Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 22/9/2023	
		Bé vui trung thu cùng các bạn (1 tuần)	-Từ ngày 25/9/2023 Đến ngày 29/9/2023	
Từ ngày 02/10/2023 Đến ngày 20/10/2023 (3 tuần)	<b>BẢN THÂN CỦA BÉ</b>	Bé là ai? (1 tuần)	-Từ ngày 02/10/2023 Đến ngày 06/10/2023	
		Tác dụng của các giác quan (1 tuần)	-Từ ngày 09/10/2023 Đến ngày 13/10/2023	
		Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh (1 tuần)	-Từ ngày 16/10/2023 Đến ngày 20/10/2023	
Từ ngày 23/10/2023 Đến ngày 10/11/2023 (3 tuần)	<b>GIA ĐÌNH CỦA BÉ</b>	Những người thân của bé (1 tuần)	-Từ ngày 23/10/2023 Đến ngày 27/10/2023	
		Ngôi nhà của bé (1 tuần)	-Từ ngày 30/10/2023 Đến ngày 03/11/2023	
		Nhu cầu cần thiết trong gia đình (1 tuần)	-Từ ngày 06/11/2023 Đến ngày 10/11/2023	
Từ ngày 13/11/2023 Đến ngày 24/11/2023 (2 tuần)	<b>BÉ VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ XÃ HỘI</b>	Bé giao tiếp ứng xử với mọi người(1 tuần)	-Từ ngày 13/11/2023 Đến ngày 17/11/2023	<b>* Sinh hoạt Ngày nhà giáo việt nam Thứ hai: 20/11/2023</b>
		Bé với cuộc sống sinh hoạt hằng ngày (1 tuần) <b>*Ngày Nhà giáo Việt Nam Thứ hai: 20/11/2023</b>	Từ ngày 20/11/2023 Đến ngày 24/11/2023	
Từ ngày 27/11/2023 Đến ngày 22/12/2023 (4 tuần)	<b>THẾ GIỚI THỰC VẬT</b>	Cây xanh và môi trường sống (1 tuần)	-Từ ngày 27/11/2023 Đến ngày 01/12/2023	
		Bé biết những loại hoa, quả nào. (1 tuần)	Từ ngày 04/12/2023 Đến ngày 08/12/2023	
		Bé trang trí cây thông đón Noel (1 tuần) <b>*Chào mừng ngày 22/12(TLQĐNDVN)</b>	Từ ngày 11/12/2023 Đến ngày 15/12/2023	
		Một số loại rau (1 tuần)	Từ ngày 18/12/2023 Đến ngày 22/12/2023	
Từ ngày 25/12/2023	<b>MỘT SỐ NGÀNH</b>	Nghề truyền thống ở địa phương (1 tuần)	-Từ ngày 25/12/2023 Đến ngày 29/12/2023	

Đến ngày 19/01/2024 ( 4 tuần)	<b>NGHỀ QUEN THUỘC</b>	Một số nghề gần gũi quen thuộc(1 tuần)	-Từ ngày 01/01/2024 Đến ngày 05/01/2024	
		Bé với nghề sản xuất (1 tuần)	-Từ ngày 08/01/2024 Đến ngày 12/01/2024	
		Người giữ an ninh trật tự (1 tuần)	-Từ ngày 15/01/2024 Đến ngày 19/01/2024	
- Từ ngày 22/01/2024 Đến ngày 02/02/2024 ( 2 tuần)	<b>TẾT VÀ MÙA XUÂN</b>	Mùa xuân của bé (1 tuần)	-Từ ngày 22/01/2024 Đến ngày 26/01/2024	<b><i>Nghỉ tết âm lịch: Từ 05/02/2024 đến 23/02/2024 (3 tuần)</i></b>
		Ngày tết quê em (1 tuần) <b><i>*Lễ hội mừng xuân Tết Nguyên Đán</i></b>	-Từ ngày 29/01/2024 Đến ngày 02/02/2024	
-Từ ngày 26/02/2024 Đến ngày 08/03/2024 ( 2 tuần)	<b>AN TOÀN GIAO THÔNG</b>	Phương tiện giao thông và nơi hoạt động (1 tuần) <b><i>*Tết của bà, mẹ và cô (Quốc tế phụ nữ 8/3) Thứ tư : 08/03/2024</i></b>	Từ ngày 26/02/2024 Đến ngày 01/03/2024	
		Luật và một số biển báo giao thông đơn giản (1 tuần)	-Từ ngày 04/03/2024 Đến ngày 08/03/2024	
Từ ngày 11/03/2024 Đến ngày 29/03/2024 ( 3 tuần)	<b>NƯỚC VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN</b>	Nước và môi trường (1 tuần)	-Từ ngày 11/03/2024 Đến ngày 15/03/2024	
		Các mùa trong năm (1 tuần)	-Từ ngày 18/03/2024 Đến ngày 22/03/2024	
		Các hiện tượng thiên nhiên (1 tuần)	-Từ ngày 25/03/2024 Đến ngày 29/03/2024	
Từ ngày 01/04/2024 Đến ngày 26/04/2024 ( 4 tuần)	<b>THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT</b>	Con vật nuôi trong gia đình (1 tuần)	-Từ ngày 01/04/2024 Đến ngày 05/04/2024	<b><i>*Giỗ Tổ Hùng Vương ( Mừng 10/3): Nghỉ Thứ năm: 18/04/2024</i></b>
		Động vật sống dưới nước (1 tuần)	-Từ ngày 08/04/2024 Đến ngày 12/04/2024	
		Động vật sống trong rừng (1 tuần)	-Từ ngày 15/04/2024 Đến ngày 19/04/2024	
		Côn trùng và bò sát (1 tuần)	-Từ ngày 22/04/2024 Đến ngày 26/04/2024	
Từ ngày 29/04/2024	<b>QUÊ HƯƠNG</b>	Khu phố nơi bé ở (1 tuần)	-Từ ngày 29/05/2024 Đến ngày 03/05/2024	<b><i>* Nghỉ lễ - Giải</i></b>



Đến ngày 10/05/2024 ( 2 tuần)	<b>CỬA BÉ</b>	Một số địa danh, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh ở địa phương (1 tuần)	-Từ ngày 06/05/2024 Đến ngày 10/05/2024	<b>phóng Miền Nam Việt Nam 30/4 Thứ ba: 30/04/2024 - Quốc tế Lao động 1/5 Thứ tư: 01/05/2024</b>
Từ ngày 13/05/2024 Đến ngày 24/05/2024 ( 2 tuần)	<b>THỦ ĐÔ – BÁC HỒ</b>	Thủ đô Hà Nội (1 tuần) <b>* Mừng sinh nhật Bác Hồ 19/5</b>	-Từ ngày 13/05/2024 Đến ngày 17/05/2024	
		Bác Hồ kính yêu của bé (1 tuần) <b>* Tổng kết năm học – Lễ ra trường của các cháu Mẫu giáo lớn - Quốc tế thiếu nhi 1/6-</b>	-Từ ngày 20/05/2024 Đến ngày 24/05/2024	

• **KHỐI CHÒI: 12 CHỦ ĐỀ**

<b>THỜI GIAN</b>	<b>CHỦ ĐỀ</b>	<b>CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH</b>	<b>THỜI GIAN</b>	<b>GHI CHÚ</b>
Từ ngày 04/09/2023 Đến ngày 29/09/2023 (4 tuần)	<b>TRƯỜNG MẦM NON THÂN YÊU</b>	Lớp học chúng mình (1 tuần)	-Từ ngày 04/09/2023 Đến ngày 08/09/2023	<b>* Ngày hội đến trường của bé Thứ ba: 05/09/2023</b>
		ĐDDC của bé (1 tuần)	-Từ ngày 11/09/2023 Đến ngày 15/09/2023	
		Công việc của người lớn trong trường MN (1 tuần)	-Từ ngày 18/09/2023 Đến ngày 22/09/2023	<b>*Ngày Tết Trung Thu. Thứ 6, ngày 29/9/2023 ( 15/08 AL)</b>
		Bé vui trung thu cùng các bạn (1 tuần)	-Từ ngày 25/09/2023 Đến ngày 29/09/2023	
Từ ngày 02/10/2023	<b>BẢN THÂN</b>	Bé là ai (1 tuần)	-Từ ngày 02/10/2023 Đến ngày 06/10/2023	<b>*Ngày phụ Nữ</b>

Đến ngày 20/10/2023 (3 tuần)	<b>CỬA BÉ</b>	Tác dụng của các giác quan (1 tuần)	-Từ ngày 09/10/2023 Đến ngày 13/10/2023	<i>Việt Nam Thứ 6: 20/10/2023</i>	
		Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh (1 tuần)	-Từ ngày 16/10/2023 Đến ngày 20/10/2023		
Từ ngày 23/10/2023 Đến ngày 10/11/2023 (3 tuần)	<b>GIA ĐÌNH CỦA BÉ</b>	Gia đình của bé (1 tuần)	-Từ ngày 23/10/2023 Đến ngày 27/10/2023		
		Ngôi nhà của bé (1 tuần)	-Từ ngày 30/10/2023 Đến ngày 03/11/2023		
		Nhu cầu cần thiết trong gia đình (1 tuần)	-Từ ngày 06/11/2023 Đến ngày 10/11/2023		
Từ ngày 13/11/2023 Đến ngày 08/12/2023 (4 tuần)	<b>THẾ GIỚI THỰC VẬT</b>	Cây xanh và môi trường sống (1 tuần)	-Từ ngày 13/11/2023 Đến ngày 17/11/2023		
		Một số loại hoa quanh bé (1 tuần)	-Từ ngày 20/11/2023 Đến ngày 24/11/2023		
		Bé biết những loại quả nào (1 tuần)	-Từ ngày 27/11/2023 Đến ngày 01/12/2023		<i>*Ngày nhà giáo Việt Nam Thứ 2: 20/11/2023</i>
		Cây xanh và môi trường sống (1 tuần)	-Từ ngày 04/12/2023 Đến ngày 08/12/2023		
Từ ngày 11/12/2023 Đến ngày 22/12/2023 (2 tuần)	<b>BÉ VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ XÃ HỘI</b>	Bé giao tiếp ứng xử với mọi người (1 tuần)	-Từ ngày 11/12/2023 Đến ngày 15/12/2023	<i>*Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam Thứ 6, ngày 22/12/2023</i>	
		Bé với cuộc sống sinh hoạt hằng ngày (1 tuần)	Từ ngày 18/12/2023 Đến ngày 22/12/2023		
Từ ngày 25/12/2023 Đến ngày 19/01/2024 (4 tuần)	<b>MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ QUEN THUỘC</b>	Nghề truyền thống ở địa phương (1 tuần)	-Từ ngày 25/12/2023 Đến ngày 29/12/2023	<i>*Tết dương lịch Thứ 2: 01/01/2024</i>	
		Một số nghề gần gũi quen thuộc (1 tuần)	-Từ ngày 01/01/2024 Đến ngày 05/01/2024		
		Bé với nghề sản xuất (1 tuần)	-Từ ngày 08/01/2024 Đến ngày 12/01/2024		

		Người giữ an ninh trật tự (1 tuần)	-Từ ngày 13/03/2023 Đến ngày 17/03/2023	
- Từ ngày 22/01/2024 Đến ngày 02/02/2024 ( 2 tuần)	<b>TẾT VÀ MÙA XUÂN</b>	Ngày tết quê em (1 tuần)	-Từ ngày 22/01/2024 Đến ngày 26/01/2024	<i>*Nghỉ tết âm lịch: Từ ngày 5/2/2024 đến ngày 16/2/2024 ( 2 tuần)  *Tuần ổn định sau tết: Từ ngày 19/2/2024 - 23/2/2024 (1 tuần)</i>
		Mùa xuân của bé (1 tuần) <i>*Lễ hội mừng xuân Tết Nguyên Đán</i>	-Từ ngày 29/01/2024 Đến ngày 02/02/2024	
Từ ngày 26/02/2024 Đến ngày 15/03/2024 (3 tuần)	<b>NƯỚC VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN</b>	Nước và môi trường (1 tuần)	-Từ ngày 26/02/2024 Đến ngày 01/03/2024	<i>*Ngày quốc tế phụ nữ 8/3. Thứ 6: 08/03/2023</i>
		Các mùa trong năm (1 tuần)	-Từ ngày 04/03/2024 Đến ngày 08/03/2024	
		Các hiện tượng thiên nhiên (1 tuần)	-Từ ngày 11/03/2024 Đến ngày 15/03/2024	
-Từ ngày 18/03/2024 Đến ngày 29/03/2024 (2 tuần)	<b>AN TOÀN GIAO THÔNG</b>	Phương tiện giao thông và nơi hoạt động (1 tuần)	Từ ngày 18/03/2024 Đến ngày 22/03/2024	
		Luật và một số biển báo giao thông đơn giản (1tuần)	-Từ ngày 25/03/2024 Đến ngày 29/03/2024	
Từ ngày 01/04/2024 Đến ngày 26/04/2024 ( 4 tuần)	<b>THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT</b>	Con vật nuôi trong gia đình (1 tuần)	-Từ ngày 01/04/2024 Đến ngày 05/04/2024	<i>*Nghỉ Giỗ Tổ Hùng Vương ( Mùng 10/3) Thứ năm: 18/04/2024</i>
		Động vật sống dưới nước (1 tuần)	-Từ ngày 08/04/2024 Đến ngày 12/04/2024	
		Động vật sống trong rừng (1 tuần)	-Từ ngày 15/04/2024 Đến ngày 19/04/2024	
		Côn trùng và bò sát (1 tuần)	-Từ ngày 22/04/2024 Đến ngày 26/04/2024	
Từ ngày 29/04/2024 Đến ngày 10/05/2024 (2 tuần)	<b>QUÊ HƯƠNG CỦA BÉ</b>	Khu phố nơi bé ở (1 tuần)	-Từ ngày 29/04/2024 Đến ngày 03/05/2024	<i>* Nghỉ lễ - Giải phóng Miền Nam Việt Nam 30/4 Thứ ba: 30/04/2024</i>
		Một số địa danh, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh ở địa phương (1 tuần)	-Từ ngày 06/05/2024 Đến ngày 10/05/2024	

				- <b>Nghỉ lễ Quốc tế Lao động 1/5</b> <b>Thứ tư:</b> <b>01/05/2024</b>
Từ ngày 13/05/2024 Đến ngày 24/05/2024  (2 tuần)	<b>THỦ ĐÔ – BÁC HỒ</b>	Bác Hồ kính yêu của bé (1 tuần)	-Từ ngày 13/05/2024 Đến ngày 17/05/2024	<b>* Mừng sinh nhật Bác Hồ 19/5</b>  <b>* Tổng kết năm học - Quốc tế thiếu nhi 1/6/2024</b>
		Thủ đô Hà Nội (1 tuần)	-Từ ngày 20/05/2024 Đến ngày 24/05/2024	

• **KHỐI LÁ : 13 CHỦ ĐỀ**

<b>THỜI GIAN</b>	<b>CHỦ ĐỀ</b>	<b>CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH</b>	<b>THỜI GIAN</b>	<b>GHI CHÚ</b>
Từ ngày 05/9/2023 Đến ngày 15/9/2023 <b>( 2 tuần)</b>	<b>TRƯỜNG MẦM NON CỦA BÉ</b>	<i>Lớp học của bé ( 1 tuần)</i>	Từ 05/9/2023 đến 08/9/2023	
		<i>Công việc của người lớn trong trường MN( 1 tuần)</i>	Từ 11/9/2023 đến 15/9/2023	
Từ ngày 18/9/2023 Đến ngày 29/09/2023 <b>( 2 tuần)</b>	<b>BẢN THÂN CỦA BÉ</b>	<i>Cơ thể của chúng mình ( 1 tuần)</i>	Từ 18/9/2023 đến 22/09/2023	<b>Ngày tết trung thu 29/9/2023 (15/8 AL)</b>
		<i>Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh ( 1 tuần)</i>	Từ 25/09/2023 đến 29/09/2023	
Từ ngày 2/10/2023 Đến ngày 13/10/2023 <b>( 2tuần)</b>	<b>GIA ĐÌNH CỦA BÉ</b>	<i>Gia đình bé ( 1 tuần)</i>	Từ 2/10/2023 đến 6/10/2023	
		<i>Nhu cầu gia đình ( 1 tuần)</i>	Từ 9/10/2023 đến 13/10/2023	
Từ ngày 16/10/2023 Đến ngày 27/10/2023 <b>( 2 tuần)</b>	<b>BÉ VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ XÃ HỘI</b>	<i>Bé giao tiếp ứng xử với mọi người ( 1 tuần)</i>	Từ 16/10/2023 đến 20/10/2023	
		<i>Bé với cuộc sống sinh hoạt hằng ngày ( 1 tuần)</i>	Từ 23/10/2023 đến 27/10/2023	
Từ ngày 30/10/2023	<b>MỘT SỐ NGHỀ</b>	<i>Bé tập làm công nhân, nông dân( 1 tuần)</i>	Từ 30/10/2023 đến 3/11/2023	

Đến ngày 24/11/2023  ( 4 tuần)	<b>GÀN GỬI QUEN THUỘC</b>			
		<i>Người giữ gìn và bảo vệ tổ quốc. ( 1 tuần)</i>	Từ 6/ 11/2023 đến 10/11/2023	
		<i>Bé biết gì về nghề bác sĩ, dạy học ( 1 tuần)</i>	Từ 13/11/2023 đến 17/11/2023	<b>Ngày Nhà giáo Việt Nam Thứ hai: 20/11/2023</b>
		<i>Một số nghề truyền thống địa phương) ( 1 tuần)</i>	Từ 20/11/2023 đến 24/11/2023	
Từ ngày 27/11/2023 Đến ngày 8/12/2023	<b>THIÊN NHIÊN  QUANH BÉ</b>	<i>Nước và cuộc sống ( 1 tuần)</i>	Từ 27/11/2023 đến 1/12/2023	
		<i>Bé tìm hiểu một số hiện tượng thiên nhiên ( 1 tuần)</i>	Từ 4/12/2023 đến 8/12/2023	
Từ ngày 11/12/2023 Đến ngày 22/12/2023	<b>MÔI TRƯỜNG SỐNG QUANH BÉ</b>	<i>Tầm quan trọng của môi trường ( 1 tuần)</i>	Từ 11/12/2023 đến 15/12/2023	
		<i>Bé bảo vệ môi trường ( 1 tuần)</i>	Từ 18/12/2023 đến 22/12/2023	<b>*Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam Thứ sáu: 22/12/2023</b>  <b>*NOEL Chủ nhật: 24/12/2023</b>
Từ ngày 25/12/2023 Đến ngày 19/1/2024 ( 4 tuần)	<b>THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT</b>	<i>Những con vật bé yêu ( 1 tuần)</i>	Từ 25/12/2023 đến 29/12/2023	<b>Nghỉ tết Dương Lịch * Thứ hai: 01/01/2024</b>
		<i>Thăm hiểm rừng xanh ( 1 tuần)</i>	Từ 2/1/2024 đến 5/1/2024	
		<i>Đại dương mệnh mông ( 1 tuần)</i>	Từ 8/1/2024 đến 12/1/2024	
		<i>Loài bò sát kỳ lạ ( 1 tuần)</i>	Từ 15/1/2024 đến 19/1/2024	
Từ ngày 22/1/2024 Đến ngày 2/2/2024 (2 tuần)	<b>CÁC MÙA TRONG NĂM</b>	<i>Bé thích mùa nào? ( 1 tuần)</i>	Từ 22/1/2024 đến 26/1/2024	
		<i>Ngày tết quê em. ( 1 tuần)</i> <b>*Lễ hội mừng xuân *Tết Nguyên Đán</b>	Từ 29/1/2024 đến 2/2/2024	

<b>Nghỉ tết Nguyên Đán: Từ 5/2/2024 đến hết 16/2/2024(2 tuần)</b> <b>Ôn định sau tết : 19/2/2024 đến 23/2/2024</b>				
<p>Từ ngày 26/2/2024 Đến ngày 22/3/2024 <b>( 4 tuần)</b></p>	<b>PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG</b>	<i>Phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt ( 1 tuần)</i>	Từ 26/2/2024 đến 1/3/2024	<b>*QUỐC TẾ PHỤ NỮ 8/3 : Thứ sáu 08/03/2024</b>
		<i>PTGT đường thủy ( 1 tuần)</i>	Từ 4/3/2024 đến 8/3/2024	
		<i>PTGT đường hàng không ( 1 tuần)</i>	Từ 11/3/2024 đến 15/3/2024	
		<i>Một số luật và biển báo giao thông ( 1 tuần)</i>	Từ 18/3/2024 đến 22/3/2024	
<p>Từ ngày 25/3/2024 Đến ngày 12/4/2024  <b>( 3 tuần)</b></p>	<b>THẾ GIỚI THỰC VẬT</b>	<i>Cây xanh và môi trường sống ( 1 tuần)</i>	Từ 25/3/2024 đến 29/3/2024	
		<i>Hoa quả quanh bé ( 1 tuần)</i>	Từ 1/4/2024 đến 5/4/2024	
		<i>Một số loại rau ( 1 tuần)</i>	Từ 8/4/2024 đến 12/4/2024	
<p>Từ ngày 15/4/2024 Đến ngày 10/5/2024 <b>( 4 tuần)</b></p>	<b>QUÊ HƯƠNG TƯƠI ĐẸP</b>	<i>Danh lam thắng cảnh và làng nghề quê em ( 1 tuần)</i> <b>*Giỗ Tổ Hùng Vương ( Mừng 10/3)</b>	Từ 15/4/2024 đến 19/4/2024	<b>*Giỗ tổ Hùng Vương ( 10/3) Ngày thứ 5: 17/4/2024  * Nghi lễ - Giải phóng Miền Nam Việt Nam 30/4 Thứ ba 30/04/2024 - Quốc tế Lao động 1/5 Thứ tư: 01/05/2024</b>
		<i>Thủ đô Hà Nội ( 1 tuần)</i>	Từ 22/4/2024 đến 26/4/2024	
		<i>Bác Hồ kính Yêu</i>	Từ 29/4/2024 đến 3/5/2024	
		<i>Một số danh lam thắng cảnh của quê hương</i>	Từ 6/5/2024 đến 10/5/2024	

Từ ngày 13/5/2024 Đến ngày 24/5/2024 ( 2 tuần)	<b>TRƯỜNG TIỂU HỌC</b>	<i>Thăm trường tiểu học ( 1 tuần)</i> <i>*Mừng sinh nhật Bác Hồ</i>	Từ 13/5/2024 đến 17/5/2024	
		<i>Bé chuẩn bị vào lớp 1 ( 1 tuần)</i>	Từ 20/5/2024 đến 24/5/2024	

## PHẦN IV/ CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

### 1/ NHÀ TRẺ:

THỜI GIAN	HOẠT ĐỘNG
6h30' -> 7h00'	Đón trẻ
7h00' -> 7h15'	Thẻ đục sáng
7h15' -> 8h00'	Điểm danh – Ăn sáng
8h00' -> 8h10'	Vệ sinh – Chuẩn bị hoạt động có chủ đích
8h10' -> 8h30'	Hoạt động có chủ đích
8h30' -> 9h00'	Hoạt động ngoài trời
9h00' -> 9h10'	Vệ sinh
9h10' -> 10h00'	Hoạt động vui chơi
10h00' -> 11h00'	Vệ sinh – Ăn trưa – Chơi vận động nhẹ
11h00' -> 14h00'	Ngủ trưa
14h00' -> 14h30'	Ngủ dậy – Vệ sinh – Chơi vận động nhẹ - Ăn xế
14h30' -> 15h00'	Tổ chức hoạt động chiều
15h00' -> 16h15'	Ăn chiều – Vệ sinh
16h15' -> 17h00'	Trả trẻ

### 2/ MẪU GIÁO:

#### 2.1. KHỐI MẦM:

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
6 h 30 - 7h00	ĐÓN TRẺ				
7h00 - 7h 10	THẺ ĐỤC SÁNG				
7h10 - 8h 00	ĐIỂM DANH – ĂN SÁNG - VỆ SINH				
8h 00 - 8 h 30	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI – VỆ SINH				
8 h 30 - 9 h 00	KHÁM PHÁ KHOA HỌC-XÃ HỘI	THẺ ĐỤC GIỜ HỌC	LQVH PTNN	LQVT ÂM NHẠC	TẠO HÌNH
9h 30 -10h 00	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				

10h 15 -11h 00	VỆ SINH – CHUẨN BỊ ĂN TRƯA				
10h 15 -11h 00	ĂN TRƯA				
11h 00 -14h 00	NGỦ TRƯA				
14h 00 -14h 15	NGỦ DẬY- VỆ SINH- CHƠI VẬN ĐỘNG NHẸ				
14h 15 -14h 45	HDTC MỚI	TTVS	ÔN LUYỆN THNTH SINH NHẬT	LQCC	NGÀY LỄ - HỘI SHTT
14h 45 -15h 00					
15h 00 -16h 00	VỆ SINH – ĂN CHIỀU				
16h 00 -16h 15	NẼU GƯƠNG				
16h 15 -17h00	TRẢ TRẺ				

## 2.2. KHỐI CHÒI:

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
6h30 - 7h00	ĐÓN TRẺ				
7h00 - 7h10	THỂ DỤC SÁNG				
7h10 - 8h00	ĐIỂM DANH – ĂN SÁNG - VỆ SINH				
8h00 - 8h30	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI – VỆ SINH				
8h30 - 9h00	THỂ DỤC GIỜ HỌC	TẠO HÌNH  ÂM NHẠC	KPKH-XH	LQVH PTNN	LQVT
9h30 -10h00	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10h10 -10h20	VỆ SINH – CHUẨN BỊ ĂN TRƯA				
10h20 -11h00	ĂN TRƯA				
11h00 -14h00	NGỦ TRƯA				
14h00 -14h15	NGỦ DẬY- VỆ SINH- CHƠI VẬN ĐỘNG NHẸ				
14h15 -14h45	HDTC MỚI  LQCC	TTVS	DẠY BÀI THƠ, HÁT MỚI; RÈN KỸ NĂNG	ÔN LUYỆN; THNTH	SHTT
14h45 -15h00					
15h00 -16h00	VỆ SINH – ĂN CHIỀU				
16h00 -16h15	NẼU GƯƠNG				
16h15 -17h00	TRẢ TRẺ				

## 2.3. KHỐI LÁ:

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
6 h 30 - 7h00	ĐÓN TRẺ				
7h00 - 7h 15	THỂ DỤC SÁNG- CHUẨN BỊ BÀN ĂN				
7h15 - 8h 00	ĐIỂM DANH – ĂN SÁNG - VỆ SINH				



8h 00 - 8 h 30	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI – VỆ SINH				
8 h 30 - 9 h 10	TẠO HÌNH	<i>KHÁM PHÁ KHOA HỌC- XÃ HỘI</i>	-LÀM QUEN VĂN HỌC ( <i>PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</i> ) - GIÁO DỤC ÂM NHẠC	-LÀM QUEN VỚI TOÁN -THỂ DỤC GIỜ HỌC	LÀM QUEN CHỮ VIẾT
9h 10 -10h10	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				BTLNT Tuần cuối tháng
10h10 -10h30	VỆ SINH – CHUẨN BỊ ĂN TRƯA				
10h 30 -11h 30	ĂN TRƯA- VỆ SINH- VẬN ĐỘNG NHẸ				
11h 30 -14h 00	NGỦ TRƯA				
14h 00 -14h 30	NGỦ DẬY- VỆ SINH- CHƠI VẬN ĐỘNG NHẸ- ĂN XÉ				
14h 30 -15h 00	HƯỚNG DẪN TRÒ CHƠI MỚI	THAO TÁC VỆ SINH	ÔN BÀI THƠ BÀI HÁT THEO CHỦ ĐỀ - TẠO HÌNH NGOÀI TIẾT HỌC( <i>Tuần cuối chủ đề</i> )	BÉ HỌC ĐỌC HỌC VIẾT	-SINH HOẠT TẬP THỂ -LAO ĐỘNG TẬP THỂ
14h 45 -15h 30	VỆ SINH – ĂN CHIỀU				
15h 00 -16h 00	ĂN CHIỀU- VỆ SINH- NÊU GƯƠNG				
16h 15 -17h00	TRẢ TRẺ				

**Duyệt của hiệu trưởng**

**Người lập kế hoạch  
Phó hiệu trưởng**



**NGUYỄN THỊ KIM HOA**

